



ISO 9001: 2008

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH  
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

---

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỢ HỤI**  
**TẠI TỈNH TRÀ VINH**

**Chủ nhiệm đề tài:** PHẠM NGỌC BÌNH  
**Chức danh:** Sinh viên  
**Đơn vị:** Khoa Kinh tế, Luật

*Trà Vinh, ngày tháng năm 2017*



**ISO 9001: 2008**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**  
**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TRƯỜNG**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỢ HỤI**  
**TẠI TỈNH TRÀ VINH**

**Xác nhận của cơ quan chủ quản**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Chủ nhiệm đề tài**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phạm Ngọc Bình**

*Trà Vinh, ngày tháng năm 2017*

## TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích thực trạng tranh chấp nợ hụi và thực tiễn giải quyết tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua. Đề tài ứng dụng các phương pháp như thống kê mô tả, tổng hợp, phân tích số liệu từ cuộc khảo sát đối với 135 cá nhân đã từng có tranh chấp nợ hụi, số liệu thu được tại Tòa án nhân dân và thông tin tại Viện kiểm sát nhân dân và Thi hành án dân sự trong quá trình giải quyết tranh chấp nợ hụi. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình các tranh chấp nợ hụi có tỷ lệ số vụ tranh chấp khác nhau theo từng địa bàn. Từ đó chúng ta tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tranh chấp về nợ hụi xảy ra trên địa bàn và kiến nghị về hướng giải quyết tranh chấp nợ hụi trên cơ sở khoa học.

## **ABSTRACT**

The objective of the article is to analyze the situation analysis transaction participants hui and hui debt dispute resolution practices in Tra Vinh province in recent years. Post application of statistical methods described, synthesized, analyzed data from a survey of 135 persons had hui debt dispute and evaluate the hui debt dispute settlement from data synthetic obtained at people's Court, people's Procuratorate and the author studied the hui debt disputes to analyze the situation hui dispute settlement in the province. The study results showed that the situation of the debt dispute in exchange rates of various disputes in each locality. Then we find out the cause of the dispute about the debt occurred in the province and recommendations toward resolving hui debt disputes on the basis of scientific.

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>TÓM TẮT</b> .....	1
<b>MỤC LỤC</b> .....	3
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	6
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU</b> .....	7
<b>DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH</b> .....	8
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	9
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	10
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	10
2. Tổng quan nghiên cứu .....	11
2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước .....	11
2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước .....	15
2.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước .....	16
3. Mục tiêu .....	16
4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu .....	17
4.1. Đối tượng, phạm vi và thời gian nghiên cứu .....	17
4.2. Phương pháp nghiên cứu .....	17
4.2.1. Phương pháp lịch sử .....	17
4.2.2. Phương pháp điều tra xã hội học .....	17
4.2.3. Phương pháp thống kê số liệu .....	18
4.2.4. Phương pháp so sánh, đối chiếu .....	18
4.2.5. Phương pháp phân tích, tổng hợp .....	18
4.2.6. Phương pháp dự báo .....	18
<b>PHẦN NỘI DUNG</b>	
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỘI, HỌ, BIỂU, PHƯỜNG</b> .....	19
1.1. Khái quát về hội, họ, biểu, phường .....	19

1.1.1. Khái niệm về họ, hội, biểu, phường-----	19
1.1.2. Đặc điểm của quan hệ giao dịch hội -----	21
1.1.3. Vai trò của việc tham gia quan hệ giao dịch hội -----	22
1.1.4. Chủ thể tham gia trong quan hệ giao dịch hội -----	24
1.1.5. Phân loại hội -----	24
1.1.5.1. Hội không có lãi-----	24
1.1.5.2. Hội có lãi-----	25
1.2. Pháp luật về hội-----	28
1.2.1. Quá trình phát triển của pháp luật về quan hệ giao dịch hội qua từng giai đoạn -----	29
1.2.2. Quy định về hình thức và nội dung thỏa thuận về hội -----	32
1.2.3. Quy định về sổ hội-----	33
1.2.4. Quy định về lãi suất trong hội-----	34
1.2.5. Quy định về quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hội -----	34
1.2.5.1. Đối với hội không có lãi -----	34
1.2.5.2. Đối với hội có lãi-----	36
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỢ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH-----</b>	<b>38</b>
2.1. Giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu -----	38
2.2. Thực trạng tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh -----	39
2.3. Thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh-----	48
2.3.1. Quy định pháp luật đang được viện dẫn và áp dụng để giải quyết các tranh chấp nợ hội-----	55
2.3.2. Thực tiễn kết quả giải quyết tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh -----	59
2.3.3. Những tồn tại bất cập trong quá trình giải quyết tranh chấp nợ hội---	61
2.3.4. Dự báo tình hình tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới-----	63
<b>PHẦN KẾT LUẬN-----</b>	<b>67</b>

1. Kết quả đề tài và thảo luận -----	67
2. Kiến nghị -----	69
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO -----</b>	<b>77</b>
<b>PHỤ LỤC 1 KẾT QUẢ THỐNG KÊ TỪ SỐ LIỆU SƠ CẤP-----</b>	<b>76</b>
<b>PHỤ LỤC 2 BẢNG CÂU HỎI -----</b>	<b>83</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải thích</b>
Hội	Họ, hội, biên, phường
BLDS	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng Dân sự
NĐ 144	Nghị định 144/2006/NĐ-CP
TAND TC	Tòa án nhân dân Tối cao
QH	Quốc Hội
HD VTS	Hợp đồng vay tài sản
BLHS	Bộ luật Hình sự



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<b>Tên bảng</b>	<b>Số trang</b>
Bảng 1: Tình hình tranh chấp nợ hụi được thụ lý trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2016	39
Bảng 2: Các huyện, thị xã, thành phố được khảo sát	40
Bảng 3: Trình độ học vấn của chủ hộ được khảo sát	42
Bảng 4: Tổng thu nhập của chủ hộ được khảo sát	43
Bảng 5: Lý do quan tâm nhất khi tham gia hụi	43
Bảng 6: Quan hệ của hộ với những người tham gia hụi	44
Bảng 7: Yếu tố quan trọng nhất khi chọn lựa người chơi hụi	44
Bảng 8: Mục đích sử dụng vốn huy động từ hụi của việc tham gia hụi	45
Bảng 9: Tình hình giải quyết tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016	59
Bảng 10: Tình hình thụ lý tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016	64

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ, HÌNH ẢNH

<b>Tên biểu đồ</b>	<b>Số trang</b>
Hình 1. Bản đồ tỉnh Trà Vinh	38
Hình 2. Tuổi của chủ hộ gia đình tham gia giao dịch hụi	41
Hình 3. Biểu đồ hình tròn về ngành nghề của chủ hộ	42

## LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian 06 tháng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, bản thân đã tích lũy được nhiều kiến thức cả về kiến thức chuyên môn cũng như thực tế và kỹ năng nghiên cứu để hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến Ban giám hiệu, phòng Kế hoạch - Tài vụ và quý Thầy, Cô ở Phòng Khoa học Công nghệ đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Em xin chân thành cảm ơn Cô Diệp Huyền Thảo đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình làm bài nghiên cứu này.

Do còn là sinh viên nên kiến thức và thời gian nghiên cứu có giới hạn cũng như còn vướng lịch học nhiều nên bài nghiên cứu không tránh khỏi những thiếu sót, mong hội đồng cảm thông và góp ý kiến để em hoàn thành tốt bài nghiên cứu này.

*Trà Vinh, ngày tháng 4 năm 2017*

**Chủ nhiệm đề tài**

**Phạm Ngọc Bình**

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Nền kinh tế nước ta hiện nay đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, nhiều người cần huy động vốn nhanh để đầu tư kinh doanh, trong khi việc vay vốn ở các ngân hàng và tổ chức tín dụng còn một số hạn chế như thủ tục phiền hà, cần thế chấp hoặc cầm cố tài sản. Một số khác có đồng vốn nhàn rỗi, nhưng không có nhu cầu kinh doanh, không muốn gửi ngân hàng nhưng vẫn muốn đồng tiền sinh lãi, khi cần lại có thể rút vốn nhanh chứ không bị ràng buộc như hợp đồng vay tài sản. Một số người khác, đời sống đang gặp khó khăn, muốn có một hình thức tiết kiệm hiệu quả để cải thiện đời sống của mình,... Tất cả những mong muốn nêu trên đều có thể được đáp ứng khi tham gia giao dịch hụi.

Đến năm 2006, việc tham gia họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi tắt là hụi) đã được pháp luật Việt Nam thừa nhận và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tham gia, quy định hướng dẫn thông qua Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường. Trong khi hiện nay, trình độ hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của những người tham gia giao dịch hụi còn rất hạn chế, do đó đã để quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm một cách đáng tiếc. Thực tế, tranh chấp nợ hụi phát sinh rất nhiều nhưng Bộ luật Dân sự 2005 và 2015 (BLDS 2005 và 2015) chỉ có một điều quy định về hụi rất chung và rất sơ sài. Có thể thấy ban đầu, hụi là hình thức tương trợ tiết kiệm lẫn nhau trong đời sống nhân dân và chơi hụi trong xã hội không phải là vấn đề mới phát sinh mà nó đã tồn tại như tập quán lâu đời của nhân dân. Tuy nhiên, theo thời gian và phát triển kinh tế xã hội ở nước ta thì hụi đã phát triển với quy mô lớn, có tính phức tạp theo chiều hướng xấu vì thông qua đó một số người lợi dụng vào lòng tin của các người khác để chiếm đoạt tài sản và bỏ trốn, khiến cho trật tự an ninh xã hội bị xáo trộn và nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Nguyên nhân vì hụi viên rất tin tưởng vào chủ hụi nên khi tham gia không hề có giấy tờ bảo đảm, minh chứng. Vì vậy khi xảy ra tranh chấp thì các cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn trong việc giải quyết các án hụi. Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn pháp luật chưa đáp ứng được việc giải quyết khi có tranh chấp hụi xảy ra. Hiện nay, hình thức giao dịch về hụi thay đổi rất nhiều, vì thông qua đó có cả hình thức lạm dụng, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản cũng có cả hình thức cho vay nặng lãi. Vì vậy việc quan tâm công tác giáo dục, tuyên truyền nhằm giúp

người dân hiểu rõ quy định về hội trong hệ thống luật pháp nước ta là hết sức cần thiết. Ngày nay việc tham gia hội diễn ra khắp nơi và phổ biến ở nhiều địa phương và thu hút nhiều tầng lớp khác nhau tham gia. Hầu như ai cũng muốn tham gia hội hoặc ai cũng từng có ý tưởng tham gia hội dù chỉ một lần vì tính thuận tiện và hấp dẫn từ việc tham gia hội mang lại. Tuy nhiên, những cá nhân đang chơi hội cũng muốn biết nếu có tranh chấp xảy đối với bản thân thì pháp luật xử lý như thế nào và dựa căn cứ pháp lý nào để giải quyết tranh chấp phát sinh. Tất cả lý do trên, đề tài sẽ đáp ứng được nhu cầu của những người quan tâm về hướng giải quyết tranh chấp nợ hội khi có tranh chấp xảy ra và dựa trên cơ chế pháp lý của pháp luật nước ta. Với mục đích đánh giá được thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đưa ra những kiến nghị hướng giải quyết thì đề tài “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải quyết tranh chấp nợ hội tại tỉnh Trà Vinh” thật sự cấp thiết để tiến hành nghiên cứu.

## **2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước**

Lê Khương Ninh và Cao Văn Hôn (2012) nghiên cứu "Rủi ro của việc tham gia hội". Mục tiêu của bài viết là phân tích nguyên nhân xuất hiện rủi ro của việc tham gia hội và xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến rủi ro này để từ đó đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro nhằm biến hội trở thành một hình thức tín dụng thực sự có ích cho những người có nhu cầu. Kết quả hồi quy của bài viết cho thấy rủi ro của việc tham gia hội chịu ảnh hưởng của các biến là hàng xóm, nơi sống, cường chế và chọn lọc. Kết quả này ngụ ý rằng nếu có ý định tham gia hội, các cá nhân cần ưu tiên chọn những người hàng xóm mà mình đã quen biết nhiều và có thể giám sát sát sao các hành động hay biểu hiện lệch lạc để ngăn chặn hay cường chế kịp thời. Trong những trường hợp khác, cần phải có phương thức thu thập thông tin liên tục về đối tác, tránh hiện tượng chỉ căn cứ vào các biểu hiện bề ngoài, những lời khoe khoang, ngon ngọt hay tình cảm đơn thuần, vì như đã phân tích, thông tin bất đối xứng là hiện tượng khách quan với nhiều hệ quả tiêu cực (nghĩa là làm tăng rủi ro cho những người tham gia hội), đặc biệt là chọn lựa sai lầm và động cơ lệch lạc. Thậm chí đã chọn lọc đối tác nhưng cũng vẫn phải thường xuyên giám sát, theo dõi họ bởi động cơ “giật” hội xuất phát từ các nguyên nhân rất đa dạng, khó có thể lường hết được nếu chủ quan. Bên cạnh đó, khi tham gia hội, cần có các biện pháp cường chế đủ sức răn đe đối tác để giảm rủi ro bị “giật”

hụi. Để làm việc này được tốt, cần thông tin đầy đủ về hoạt động tham gia hụi cho người trong gia đình, bạn bè thân thiết,... Ngoài ra, để tránh rủi ro, cần hình thành các hợp đồng hay giao kèo có xác nhận của cơ quan pháp luật hay chính quyền địa phương để làm cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ quyền lợi khi có tranh chấp xảy ra. Cuối cùng, cần xem hoạt động tham gia hụi là việc làm hợp pháp và mạnh dạn nhờ đến cơ quan pháp luật khi cần thiết.

Lê Khương Ninh và Cao Văn Hôn (2012), nghiên cứu "Lợi ích của hụi và quyết định tham gia hụi của người dân An Giang". Do rất tiện lợi và có ích nên hụi là hình thức tín dụng dân gian khá phổ biến và hấp dẫn nhiều người tham gia. Trên nguyên tắc, lợi ích của hụi xuất phát từ việc tiền tiết kiệm của người này được sử dụng ngay để tài trợ cho người khác mà không phải chờ đến khi tự tiết kiệm đủ tiền. Tuy có lợi như vậy nhưng do ảnh hưởng của một số nhân tố nên không phải ai cũng tham gia hụi. Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hụi bằng mô hình Tobit trên cơ sở hệ thống dữ liệu sơ cấp thu thập từ 450 cá nhân được chọn ngẫu nhiên ở tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy quyết định tham gia hụi của các cá nhân phụ thuộc vào các nhân tố như nghề nghiệp, lợi ích, thu nhập, chi tiêu bất thường, thâm niên tham gia hụi, nơi sống, giá trị tài sản và mục đích tham gia. Trong đó, đáng lưu ý nhất là những người tham gia hụi thường quan tâm đến lợi ích mà lơ là nhân tố rủi ro do chủ quan nên hiện tượng vỡ hụi diễn ra khá phổ biến. Từ kết quả phân tích, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm làm cho hụi trở thành một kênh tín dụng ngày càng hữu ích đối với người dân. Tuy nhiên, với số liệu thu thập đề tài chưa phát hiện nhân tố tuổi, học vấn, số thành viên trong hộ và giá trị đất đai có ảnh hưởng đến quyết định tham gia hụi của nông hộ trên địa bàn. Tuy nhiên, đề tài thiên về nghiên cứu xã hội học, chưa đưa ra được hướng giải quyết khi xảy ra tranh chấp nợ hụi.

Nguyễn Đình Giáp (2009) nghiên cứu "Hụi, họ, biêu, phường theo Pháp luật Dân sự Việt Nam". Đề tài làm rõ một số khái niệm, thuật ngữ thường gặp và việc phân loại hụi, họ, biêu, phường. Bên cạnh đó, đề tài sử dụng những phương pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp, điều tra, thống kê, so sánh, đối chiếu các quy định của pháp luật. Nội dung có sự liên hệ, so sánh, đối chiếu các quy định của pháp luật có liên quan đến hụi họ như các quy định về giao dịch dân sự và hợp đồng vay tài sản. Đề tài đã nêu lên thực tế việc chơi hụi trong nhân dân hiện nay để khẳng định lại tầm quan trọng của việc quy định hụi, họ, biêu, phường trong Pháp luật Dân sự. Qua tình hình giải quyết

các tranh chấp về hui, họ, biêu, phường trên địa bàn thành phố Huế và qua một số vụ án khác trên phạm vi cả nước, đã rút ra một số vướng mắc thực tiễn: vướng mắc về việc hiểu và áp dụng quy định về thời hiệu thiếu thống nhất ở các Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan Công an; vướng mắc về vấn đề lỗi suất trong tranh chấp hui họ; vướng mắc khi xác định có dấu hiệu của “tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Nguyễn Văn Vũ An, Phạm Trọng Phạm, Nguyễn Văn Toàn (2015) nghiên cứu “Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro của việc tham gia hui của nông hộ tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh”. Đề tài đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro của việc tham gia giao dịch hui của nông hộ trên địa bàn huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Số liệu sử dụng trong đề tài được thu thập từ cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi với tổng nông hộ được khảo sát là 280. Đề tài đã ứng dụng mô hình Binary Logistic để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro của việc tham gia giao dịch hui của nông hộ. Kết quả ước lượng của mô hình cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tham gia giao dịch là “vị trí xã hội”, “thâm niên”, “số tiền trung bình mà hộ phải đóng”. Trong đó yếu tố “vị trí xã hội” ảnh hưởng mạnh nhất đến rủi ro của việc tham gia hui của nông hộ. Đề tài chưa phát hiện các yếu tố hàng xóm, số người chơi trên dây hui, hợp đồng ảnh hưởng đến rủi ro của việc tham gia hui. Thêm vào đó, đề tài thiên về nghiên cứu xã hội học chưa thảo luận nhiều đến việc xử lý tranh chấp nợ hui bằng pháp luật.

Trần Văn Biên (2008) nghiên cứu: "Họ, hui, biêu, phường trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Quá khứ và hiện tại". Đề tài sử dụng biện pháp lịch sử để khái quát hệ thống pháp luật của Việt Nam quy định về hui qua từng thời kỳ lịch sử. Bên cạnh đó, đề tài còn xin số liệu thứ cấp của Bộ Tư Pháp cho thấy các đối tượng tham gia chơi hui rất đa dạng, đại bộ phận là các hộ kinh doanh, buôn bán, nhưng cũng có khi là cán bộ, công nhân viên chức. Mục đích của việc tham gia chơi hui là do cần vốn để mở rộng kinh doanh, để nộp thuế, trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn từ ngân hàng lại hạn chế. Nếu như để vay được vốn của ngân hàng, tiểu thương phải thế chấp tài sản, thì với việc tham gia dây hui tiểu thương có thể ngay lập tức có được số vốn mình muốn mà không phải thế chấp bất kỳ tài sản gì. Đó là chưa kể đến thủ tục vay vốn tại ngân hàng nhiều khi rất nhiều thủ tục và tốn nhiều thời gian đi lại. Đề tài còn chỉ ra được nhiều ưu điểm tích cực từ việc tham gia hui và làm rõ cơ sở lý luận về hui. Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng biện pháp phân tích

các văn bản pháp luật liên quan về hối nhằm để làm rõ quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch hối nhưng chưa đề cập về hướng giải quyết tranh chấp về hối khi có tranh chấp xảy ra.

Vũ Việt Phương (2007) nghiên cứu: "Giải quyết tranh chấp phát sinh từ họ, hối, biếu, phùng trên cơ sở Bộ Luật Dân Sự năm 2005". Đề tài đã nêu lên được cơ sở lý luận về giao dịch hối. Trên thực tế, vấn đề chơi hối trong xã hội không phải là quan hệ mới phát sinh mà nó đã tồn tại như một tập quán lâu đời của nhân dân ta và từng được pháp luật cũ thừa nhận. Mục đích của việc chơi hối theo truyền thống là sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, một số người lợi dụng việc chơi hối để cho vay nặng lãi, lừa đảo chiếm đoạt tài sản với nhiều hình thức gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự xã hội, gây mất đoàn kết trong nhân dân. Kết quả chỉ ra rằng việc quy định mang tính nguyên tắc về hối, biếu, phùng của Bộ Luật Dân sự 2005 sẽ làm căn cứ pháp luật cho việc điều chỉnh phòng ngừa và xử lý các giao dịch trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh trật tự xã hội mà lâu nay Tòa án chưa có cơ sở pháp lý để giải quyết. Vấn đề vừa mang ý nghĩa lý luận, vừa mang giá trị thực tiễn. Đề tài còn sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu các văn bản pháp luật xử lý các vấn đề liên quan về giao dịch hối từ giai đoạn năm 1989 đến năm 2005 và đưa ra nhiều trường hợp tranh chấp phát sinh từ việc chơi hối. Đề tài cũng phân tích được thực trạng giải quyết tranh chấp phát sinh từ hối nhưng do đề tài sử dụng phương pháp còn hạn chế nên chưa có nêu lên rõ được thực trạng tranh chấp nợ hối và hướng giải quyết các tranh chấp liên quan đến hối còn mang tính chất lỗi thời bởi vì giải quyết tranh chấp dựa trên các văn bản cũ.

Tường Duy Lượng (2007) nghiên cứu về "Một số vấn đề về hối, họ, biếu, phùng". Đề tài hệ thống lại quá trình phát triển của pháp luật về quan hệ giao dịch hối qua từng thời kỳ. Bên cạnh đó làm rõ một số khái niệm, thuật ngữ thường gặp và việc phân loại hối, họ, biếu, phùng để thuận tiện trong việc tiếp cận và nghiên cứu về lĩnh vực giao dịch hối. Việc quy định hối họ trong BLDS 2005 và NĐ144, Công văn số 04 là một chủ trương đúng đắn, cho thấy vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội khi được quy định phù hợp với quy luật khách quan sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đảm bảo được trật tự, an toàn xã hội. Từ các quy định của pháp luật hiện hành, đề tài còn trình bày một số nội dung cơ bản nhất cần lưu ý khi tham gia hối họ, đó là những vấn đề như chính sách của nhà nước, hình thức và nội dung thỏa thuận về hối họ,



quyền và nghĩa vụ cơ bản của chủ hội và các thành viên, vấn đề giải quyết tranh chấp hội họ.

## **2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước**

Hội là khá phổ biến ở Việt Nam với nhiều hình thức đa dạng. Tuy nhiên, trên thế giới, hội được biết đến dưới dạng góp vốn xoay vòng và các hiệp hội tín dụng, đây là hình thức tương trợ vốn lẫn nhau với lãi suất thấp hoặc không lãi. Sau đây là một số nghiên cứu ngoài nước về góp vốn xoay vòng và các hiệp hội tín dụng:

Besley (1993) nghiên cứu hiệu quả của hội và hiệp hội tín dụng. Nội dung của đề tài, tác giả đánh giá hiệu quả của hội và các hiệp hội tín dụng. Tác giả sử dụng 2 mô hình liên nhau để chỉ ra rằng các cá nhân không thể tham gia thị trường tín dụng chính thức có thể tham gia hội và các hiệp hội tín dụng, đây là loại hình tín dụng tập hợp một nhóm người họp mặt định kỳ để góp một số tiền nhất định vào quỹ chung nhằm phân phối cho từng thành viên trong nhóm mỗi người một lần; nguyên tắc phân phối số tiền góp chung có thể là thỏa thuận, ngẫu nhiên (bằng bốc thăm) hay đấu thầu. Tác giả cho rằng hội mang lại lợi ích cao hơn tự tiết kiệm và gửi ngân hàng nên các cá nhân sẽ có động cơ tập hợp với nhau để nhanh chóng có được số tiền đủ để sử dụng cho một mục đích nào đó. Từ đây, hiện tượng thông tin bất đối xứng lập tức xuất hiện do từng thành viên của dây hội không thể hiểu đối tác của mình bằng chính bản thân họ. Khi đó, các thành viên thiếu tin cậy (thậm chí có ý định lừa đảo) sẽ có cơ hội tham gia vào dây hội trong khi các thành viên khác rất khó nhận ra do không thể biết tường tận về những người này. Thậm chí, có cá nhân còn chủ động hình thành các dây hội và dẫn dụ người khác tham gia (bằng cách hứa hẹn những khoản lợi ích rất cao) để hưởng lợi. Nếu thông tin thông suốt hay nếu biết rõ ý định này thì chắc chắn sẽ không ai tham gia, nhưng thông tin bất đối xứng là hiện tượng thực tế khách quan nên một khi đã tham gia hội là sẽ gặp rủi ro, mặc dù mức độ có khác nhau tùy trường hợp.

Stefan Klöner (2003) nghiên cứu góp vốn xoay vòng và hiệp hội tín dụng khi người tham gia sợ rủi ro. Nhiều lý thuyết nghiên cứu giả định rằng việc tham gia góp vốn xoay vòng có nguồn thu nhập chắc chắn và không gặp rủi ro. Những người sợ rủi ro tham gia góp vốn xoay vòng với lãi thấp, thậm chí chỉ mang tính tương trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, nhiều người tham gia góp vốn xoay vòng gặp nhiều rủi ro vì lợi ích cá nhân và thông tin bất đối xứng.

Nghiên cứu chỉ ra rằng việc tham gia góp vốn xoay vòng nhất thiết phải có hợp đồng, giấy tờ rõ ràng phòng trường hợp có tranh chấp xảy ra có thể xử lý theo pháp luật.

### **2.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước**

Hầu hết các nghiên cứu trên đều cho rằng việc tham gia hội mang nhiều lợi ích và thuận tiện. Bên cạnh những thuận lợi đó thì còn một số bất cập, khó khăn khi có tranh chấp nợ hội xảy ra. Kết quả của của các nghiên cứu trên đã nêu lên được thực trạng việc chơi hội trong nhân dân và đưa ra một số vướng mắc khi giải quyết tranh chấp nợ hội: về việc hiểu và áp dụng quy định về thời hiệu thiếu thống nhất ở các Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan Công an; vướng mắc về vấn đề lãi suất trong tranh chấp hội họ; vướng mắc khi xác định có dấu hiệu của “tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bên cạnh đó, một số người lợi dụng việc chơi hội để cho vay nặng lãi, lừa đảo chiếm đoạt tài sản với nhiều hình thức gây ảnh hưởng rất xấu đến an ninh trật tự xã hội, gây mất đoàn kết trong nhân dân. Tuy nhiên, những bài nghiên cứu trên chỉ đưa ra được một số vướng mắc, bất cập chưa đưa ra được hướng giải quyết khi có tranh chấp xảy ra. Vì vậy các nghiên cứu trên còn hạn chế về phương pháp, nội dung (nhất là nội dung liên quan đến tranh chấp nợ hội). Từ đó tác giả có cơ sở để nghiên cứu sâu hơn nhằm để tìm ra các hướng giải quyết khi có tranh chấp xảy ra liên quan về hội. Tác giả sẽ ứng dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, điều tra xã hội học, thống kê, phương pháp dự báo nhằm để dự báo tình hình tranh chấp nợ hội trong thời gian tới nhằm để làm rõ thực trạng tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đưa ra hướng giải quyết trên cơ sở đã điều tra trên địa bàn. Bên cạnh đó, tác giả phân tích nguyên nhân về mặt pháp luật cũng như mặt xã hội để đưa ra một số kiến nghị nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong lĩnh vực hội. Từ đó mới phân tích thấu đáo những hạn chế của pháp luật hiện hành và đề ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung đúng đắn, phù hợp với thực tế cuộc sống.

## **3. MỤC TIÊU**

**Mục tiêu chung:** Đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị với chính quyền địa phương, cơ quan ban ngành, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Tòa

án nhân dân các cấp, Thi hành án các cấp về hướng giải quyết tranh chấp nợ hui dựa trên cơ sở khoa học.

**Mục tiêu cụ thể 1:** Đánh giá thực trạng tranh chấp hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Mục tiêu cụ thể 2:** Đánh giá thực trạng giải quyết tranh chấp hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Mục tiêu cụ thể 3:** Đề xuất một số kiến nghị với chính quyền địa phương, cơ quan ban ngành, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân các cấp, Thi hành án dân sự các cấp và các chủ thể tham gia giao dịch hui về hướng giải quyết tranh chấp hui dựa trên cơ sở khoa học.

## **4. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **4.1. Đối tượng, phạm vi và thời gian nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài này tập trung nghiên cứu quan hệ giao dịch hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Địa điểm nghiên cứu: tỉnh Trà Vinh.

Thời gian nghiên cứu:

+ Thu thập số liệu nghiên cứu tại Tòa án nhân dân từ năm 2011 – 2016.

+ Thời gian thu thập số liệu sơ cấp: từ ngày 02/7/2016 – 02/9/2016.

### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **4.2.1. Phương pháp lịch sử**

Tác giả sử dụng phương pháp lịch sử nhằm để hệ thống lại quá trình phát triển của pháp luật về quan hệ giao dịch hui qua từng giai đoạn.

#### **4.2.2. Phương pháp điều tra xã hội học**

Số liệu được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi. Tác giả còn thu thập số liệu thống kê từ Tòa án nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh về số liệu việc xử lý các vụ án liên quan đến tranh chấp nợ hui để phân chia số phiếu khảo sát theo tỷ lệ giữa tổng số vụ tranh chấp trên địa bàn huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh trên tổng số vụ tranh chấp hui trong toàn tỉnh Trà Vinh. Bên cạnh đó, cuộc điều tra được tiến hành vào tháng 07/2016 với đối tượng phỏng vấn là 135 cá nhân tham gia hui có tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (07 huyện trực thuộc tỉnh Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và thành

phố Trà Vinh). Tác giả sẽ liên hệ với Tòa án nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh để xin thông tin các chủ thể tranh chấp nợ hui (mỗi huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh phỏng vấn theo đúng số lượng phiếu khảo sát theo tỷ lệ giữa tổng số vụ tranh chấp trên địa bàn đó trên tổng số vụ tranh chấp hui trong toàn tỉnh Trà Vinh) nhằm để làm sáng tỏ thực trạng tranh chấp hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Số liệu thứ cấp còn được thu thập từ số liệu, thông tin tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, Thi hành án dân sự cấp tỉnh và huyện. Nhằm để làm sáng tỏ thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

#### **4.2.3. Phương pháp thống kê số liệu**

Tác giả thống kê số liệu thu thập từ cuộc điều tra bằng câu hỏi. Sau quá trình nhập liệu tổng hợp dưới dạng file Microsoft Excel. Tác giả bắt đầu phân tích các số liệu đã thu thập được thông qua phần mềm thống kê phân tích dữ liệu (SPSS 18.0). Từ số liệu có trên, Tác giả phân tích kết quả có được từ số liệu sơ cấp nhằm đánh giá thực trạng tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

#### **4.2.4. Phương pháp so sánh, đối chiếu**

Tác giả sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu các quy định của pháp luật với nhau trong quá trình nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ vấn đề cần nghiên cứu.

#### **4.2.5. Phương pháp phân tích, tổng hợp**

Tác giả ứng dụng phương pháp phân tích tổng hợp các vấn đề về cơ sở pháp lý của hui, họ, biêu, phường.

#### **4.2.6. Phương pháp dự báo**

Tác giả ứng dụng phương pháp dự báo nhằm để dự báo tình hình tranh chấp nợ hui trong thời gian tới.

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1

#### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỤI, HỌ, BIÊU, PHƯỜNG

##### 1.1. KHÁI QUÁT VỀ HỤI, HỌ, BIÊU, PHƯỜNG

###### 1.1.1. Khái niệm về họ, hội, biêu, phường

Hội, họ, biêu, phường là một loại giao dịch về tài sản theo tập quán hình thành từ rất lâu trong đời sống của nhân dân ta ở khắp tất cả các miền. Miền Bắc thường gọi là họ; Miền Trung thường gọi là biêu, phường; Miền Nam thường gọi là hội. Một số nơi còn có cách gọi khác là buu, huê, hội,... Tuy vậy, cách gọi “hội” thường phổ biến cả một số nơi Miền Bắc, Miền Trung và trên các sách báo, tạp chí. Mặc dù cách gọi khác nhau, nhưng về bản chất là giống nhau<sup>1</sup>. Căn cứ tại Điều 471 BLDS 2015 quy định về hội, họ, biêu, phường thì được gọi chung là họ. Họ là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Từ đó, ta thấy được theo pháp luật Việt Nam điều chỉnh về quan hệ này thì gọi chung là quan hệ giao dịch họ. Tuy nhiên, trên địa bàn nghiên cứu tại tỉnh Trà Vinh thì việc tham gia quan hệ giao dịch họ được gọi “hội”. Bởi vì theo tập quán tham gia chơi hội của người dân trên địa bàn thì thuật ngữ “hội” đã trở thành thuật ngữ của địa phương. Vì vậy, tác giả gọi chung hội, họ, biêu, phường là hội (họ được gọi theo quy định pháp luật).

Định nghĩa hội được nêu tại Điều 471 BLDS 2015 khá đầy đủ và ngắn gọn. Qua định nghĩa đó ta thấy, trên cơ sở tự nguyện, một nhóm người tập hợp nhau lại, thường thì số người này thoả thuận một thành viên trong nhóm làm chủ hội và những người còn lại là các thành viên trong dây hội hay gọi là hội viên. Cũng có trường hợp một người đứng ra làm chủ hội và kêu gọi những người khác tham gia dây hội của mình. Các thành viên sẽ góp tiền hoặc tài sản khác như lúa, vàng,... theo từng phần hội thông qua chủ hội. Một thành viên sẽ nhận được toàn bộ các phần đóng góp này gọi là lĩnh hội hay

---

<sup>1</sup> Nguyễn, Đình Giáp. 2009. Hội, họ, biêu, phường theo Pháp luật dân sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn áp dụng. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 5

hút hụi. Tới kỳ tiếp theo sẽ đến lượt thành viên khác lĩnh hụi tạo thành một vòng luân phiên theo chu kỳ nhất định. Tùy theo loại hụi mà việc xác định thành viên lĩnh hụi thông qua hình thức bốc thăm hay thoả thuận (đối với hụi không có lãi) hoặc thông qua hình thức bỏ lãi, ai bỏ lãi cao sẽ được lĩnh hụi trước (đối với hụi có lãi). Một người có thể làm chủ nhiều dây hụi hoặc tham gia nhiều phần hụi (chân hụi) trong một dây hụi. Cũng có thể nhiều người cùng nhau tham gia một phần hụi nếu các hụi viên nhất trí.

Hụi có nhiều loại khác nhau tùy theo sự thoả thuận giữa chủ hụi và các thành viên như hụi ngày, hụi tuần, hụi tháng, hụi 3 tháng, 6 tháng, hụi mùa vụ, hụi năm,... Tùy theo loại hụi mà có chu kỳ đóng hụi và khai hụi (lĩnh hụi) khác nhau, chẳng hạn hụi ngày thì mỗi ngày đóng và khai hụi một lần, hụi tuần thì 7 ngày đóng và khai hụi một lần, hụi tháng thì mỗi tháng đóng và khai hụi một lần,... đối với hụi mùa vụ thì khi đến mùa thu hoạch các thành viên sẽ thống nhất đóng hụi và khai hụi vào một ngày nhất định nào đó, một năm thường có 2 lần đóng và khai hụi nhưng tùy thuộc vào vụ thu hoạch mà khoảng cách mỗi lần đóng và khai hụi là 3 tháng hoặc 6 tháng chứ không có một ngày tháng nhất định nào cả. Để tiếp cận và nghiên cứu đề tài, chúng ta tìm hiểu một số thuật ngữ cơ bản thường gặp trong lĩnh vực này:

**Phần hụi (Chân hụi):** Là số tiền hoặc tài sản khác đã được xác định theo thoả thuận mà thành viên phải góp trong mỗi kỳ mở hụi. Phần hụi phải là tài sản có thể giao dịch được.

**Dây hụi:** Gọi chung cho tất cả phần hụi của thành viên chơi hụi. Chẳng hạn, một dây hụi tháng có mỗi phần hụi phải nộp là 500.000 đồng và có 10 phần hụi thì 10 phần hụi này gọi chung là dây hụi có tiền góp tối đa một tháng là 5.000.000 đồng.

**Kỳ mở hụi:** Là thời điểm được xác định theo thoả thuận của các thành viên chơi hụi mà tại thời điểm đó từng thành viên được lĩnh hụi. Kỳ mở hụi được xác định bằng khoảng thời gian giữa người lĩnh hụi kỳ trước và người lĩnh hụi ngay kỳ sau đó, có thể là một tuần, nửa tháng, một tháng, một năm hoặc theo mùa.

**Hụi sống:** Là phần hụi mà thành viên nộp hàng tháng nhưng chưa được lĩnh hụi. Nếu hụi có lãi thì thành viên chưa lĩnh hụi chỉ phải góp phần hụi sau khi đã trừ đi tiền lãi do thành viên được lĩnh hụi trả cho các thành viên.

Hụi chết: Là phần hụi mà thành viên đã hốt hụi, người này không có quyền hốt tiếp trong những kỳ mở hụi sau đó nhưng có nghĩa vụ phải đóng lại đúng số tiền của phần hụi. Hụi chết luôn bằng phần hụi đã được ấn định lúc đầu.

### **1.1.2. Đặc điểm của quan hệ giao dịch hụi**

Một là, hụi là một giao dịch dân sự. Đó chính là sự thỏa thuận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia vào giao dịch này tại Điều 116 BLDS 2015. Khi tham gia hụi, các bên có sự thỏa thuận nhằm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Hai là, giao dịch hụi là một dạng hợp đồng dân sự. Do đó hụi có đầy đủ đặc trưng của một hợp đồng dân sự. Vì vậy, hụi có đầy đủ các đặc trưng của hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 385 BLDS 2015: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự”. Đó chính là sự thỏa thuận giữa các bên về quyền và nghĩa vụ khi tham gia hụi mà sự thỏa thuận đó phải cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. Bên cạnh đó, cá nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực nhưng không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định tại Điều 3 BLDS 2015.

Ba là, điều kiện để giao dịch hụi có hiệu lực. Cá nhân khi chơi hụi mà bị đe dọa không phù hợp với ý chí của bản thân hoặc không có đủ các điều kiện theo quy định khoản 1 Điều 117 BLDS 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

+ Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

+ Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

+ Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Nếu thiếu một trong ba điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự thì xem giao dịch đó là vô hiệu căn cứ tại Điều 122 BLDS 2015.

Bốn là, giao dịch hụi có tính chất tương tự như một dạng hợp đồng vay tài sản. Được quy định tại Điều 463 BLDS 2015: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Nhưng giao dịch hụi lại có một số điểm khác so với hợp đồng vay tài sản thông thường, chẳng hạn như hoạt động vay mượn tài sản trong hụi không chỉ là sự diễn ra ở bên cho vay và đi vay mà có sự hoán đổi vị trí với nhau. Ở kỳ lĩnh hụi này thì hụi viên là người đi vay nhưng ở kỳ lĩnh hụi sau hụi viên đó chính là người cho vay. Và quan hệ vay mượn trong giao dịch hụi thì giữa nhiều cá nhân vay một cá nhân và ngược lại thì một cá nhân đi vay của nhiều cá nhân luân phiên giữa các thành viên trong một dây hụi. Đặc biệt, trong giao dịch hụi thì cá nhân đi vay tài sản tự đặt ra mức lãi suất thông qua hình thức bỏ lãi (thành viên nào bỏ lãi cao nhất thì được hốt hụi trước). Bản chất trong hụi thì lại khác hoàn toàn so với hợp đồng vay tài sản thông thường vì người cho vay áp đặt lãi suất đối với người đi vay còn hụi thì ngược lại.

Năm là, việc chơi hụi cũng thể hiện hình thức tín dụng trong nhân gian. Trong chơi hụi, có một người - chủ hụi - đứng ra làm trung gian tài chính làm đầu mối huy động vốn và hưởng lợi nhuận, vì vậy việc chơi hụi thực chất là một quan hệ tín dụng - tín dụng dân gian<sup>2</sup>. Vì một người là chủ hụi với vai trò là trung gian tài chính sẽ huy động vốn. Người có thể được làm chủ hụi trong thực tế là người thường có uy tín và được mọi người tin tưởng để tham gia hụi nếu người đó kêu gọi nhiều người khác tham gia hoặc được bầu ra để làm chủ hụi nếu nhiều người tự lập ra và thỏa thuận một người làm chủ hụi.

### **1.1.3. Vai trò của việc tham gia quan hệ giao dịch hụi**

Thông qua việc tham gia hụi, nếu nhìn theo phương diện tích cực, có thể xem bản chất việc tham gia hụi khá hay, tạo điều kiện để các cá nhân có thể có được một số tiền lớn vay từ những thành viên trong dây hụi, thay vì phải đi vay của ngân hàng, lại không cần thủ tục phiền phức, tốn kém thời gian. Hình thức góp, trả cũng đơn giản, nhẹ nhàng, nhanh chóng, thuận tiện. Có nhiều cá nhân nhờ vào việc chơi hụi họ có thể sắm được nhiều vật dụng trong gia đình hoặc giải quyết những khó khăn trong cuộc sống khi lĩnh hụi, có vốn để đầu

---

<sup>2</sup> Nguyễn, Đình Giáp, sdd, 9



tư sản xuất, kinh doanh, mua bán... Tham gia hội ngoài việc mọi người có thể vừa giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn mang tính chất tương thân, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống hằng ngày. Nó còn giúp cho mối quan hệ tình làng, nghĩa xóm càng trở nên khăng khít, đoàn kết hơn. Qua thực tế tìm hiểu và thu thập thông tin trên địa bàn thì nhiều phụ huynh có con đang học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp,... thì việc tham gia hội dường như đã trở nên rất quen thuộc đối với họ. Mục đích của họ tham gia hội là để tích lũy tiền mỗi khi đến tháng con cần tiền trang trải việc học hoặc đến học kì mới con cần phải đóng tiền học phí. Thậm chí nhiều người lớn tuổi cũng tham gia hội với mục đích dành dụm khoản tiền tiết kiệm để khi ốm đau bất ngờ thì số tiền đó sẽ có tác dụng mà không phải nhờ đến con cháu. Bên cạnh đó, việc tham gia hội một phần giúp cho đời sống nhân dân nâng lên và ổn định nếu việc tham gia hội diễn ra suôn sẻ, pháp luật bảo vệ và tất cả thành viên đều có trách nhiệm với nhau trong việc góp hội. Hạn chế áp lực cho cán bộ địa phương về việc hỗ trợ vốn làm ăn cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Hơn nữa, việc tham gia hội của người dân góp phần giảm sức ép cho các ngân hàng trong việc giải quyết vốn vay cho nhân dân. Người dân tham gia hội thì họ sẽ ít tìm đến vay tại các ngân hàng với thủ tục phức tạp và khó khăn.

Tuy nhiên, những lợi ích mang lại từ việc tham gia hội chỉ xảy ra nếu hội được công nhận là một giao dịch hợp pháp và được bảo vệ như các hình thức giao dịch khác. Bởi trong thực tế thì việc tham gia hội gặp rất nhiều rủi ro. Nhất là đối với hội có lãi, một khi rủi ro xảy ra thì kéo theo đó rất nhiều hệ lụy đối với bản thân người tham gia. Vỡ hội không còn là chuyện mới và khi có tranh chấp xảy ra thì kéo theo nhiều tiêu cực, làm ly tán tình thân, phá vỡ hạnh phúc gia đình, nợ nần chồng chất. Có nhiều người vì ham lãi hội cao họ sẵn sàng vay tiền nơi khác về để đầu tư vào hội, họ hốt hội này đắp qua hội kia. Một khi vỡ hội họ không chỉ mất tiền hội mà họ còn nợ một khoản tiền vay nơi khác nữa. Một số người phải bán tài sản mình hiện có để bù vào khoản nợ đó. Một số người trở nên điêu đứng vì không có tiền trả nợ đành phải chịu ngồi chờ hi vọng sẽ lấy lại được tiền hội từ dây hội đã bị vỡ đó và chấp nhận mang nợ. Bởi việc tham gia vào một dây hội hoàn toàn dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau giữa các hội viên và chủ hội, không có tài sản thế chấp bảo đảm, nên hầu như ít có sự ràng buộc pháp lý giữa các bên. Điều này dễ dẫn đến tình trạng vỡ hội vì khi một mắt xích trong dây hội bị đứt và không có khả năng góp hội tiếp, khiến vòng tròn hội không thể xoay vòng như thỏa

thuận ban đầu, dẫn đến dây hụi bị “đứt gánh” giữa đường, hoặc khi các hụi viên đã đóng hụi gần đến kỳ hạn mà chủ hụi bỗng dưng biến mất. Một khi việc tham gia hụi gặp rủi ro dễ dẫn đến tình trạng các thành viên không kiểm chế được mà dẫn đến cãi nhau, thậm chí xảy ra xô xát, cần đến sự can ngăn của chính quyền địa phương. Điều đó làm mất trật tự địa phương, mất tình làng nghĩa xóm. Khi hợp đồng xảy ra rủi ro các thành viên cùng nhau nộp đơn khởi kiện người đã vi phạm hợp đồng, dẫn đến sức ép cho tòa án. Bởi lẽ, hụi là một vấn đề rất khó xử lý nếu không được pháp luật thừa nhận và có những quy định hướng dẫn giải quyết những tranh chấp từ hụi. Một số người lợi dụng tham gia hụi để phạm tội cho vay nặng lãi. Nhưng việc phát hiện cũng như điều tra, xử lý về tội phạm này thực sự là chuyện không dễ dàng.

#### **1.1.4. Chủ thể tham gia trong quan hệ giao dịch hụi**

Chủ thể tham gia trong quan hệ hụi phải là cá nhân, được thể hiện dưới vai trò là chủ hụi và thành viên tham gia hụi (hụi viên) được quy định như sau:

+ Theo quy định tại Điều 5 NĐ144 quy định cụ thể thì chủ hụi là người tổ chức, quản lý hụi, thu các phần hụi và giao các phần hụi đó cho thành viên được lĩnh hụi trong mỗi kỳ mở hụi cho tới khi kết thúc hụi, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Chủ hụi phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đó là khả năng của chủ hụi bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ trong khi tham gia giao dịch hụi.

+ Theo quy định tại Điều 6 NĐ144 quy định thì thành viên tham gia hụi là người tham gia hụi, góp phần hụi và được lĩnh hụi. Thành viên có thể góp một hoặc nhiều phần hụi trong một dây hụi.

#### **1.1.5. Phân loại hụi**

Theo quy định tại Nghị định 144 của Chính phủ thì hụi được chia làm hai loại là hụi không có lãi và hụi có lãi, hụi có lãi gồm hai loại là hụi đầu thảo và hụi hưởng hoa hồng.

##### **1.1.5.1. Hụi không có lãi**

Căn cứ Điều 11 NĐ144 của Chính phủ quy định: “Hụi không có lãi là hụi mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia hụi, thành viên được lĩnh hụi nhận các phần hụi khi đến kỳ mở hụi và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh hụi có nghĩa vụ tiếp tục góp hụi để các thành viên

khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ”. Như vậy theo thỏa thuận hoặc theo bốc thăm, người lĩnh hụi được nhận toàn bộ số tiền hụi của các thành viên trong dây hụi qua góp bằng cách nhận trực tiếp hoặc thông qua chủ hụi. Số tiền mà các thành viên được lĩnh hụi đều bằng nhau. Hình thức này mang tính chất tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong dây hụi. Hụi này không phát sinh lãi, các thành viên thực hiện nghĩa vụ dựa trên sự tự giác.

Ví dụ: Một dây hụi có 10 người tham gia, mỗi phần hụi phải đóng là 1.000.000 đồng. Mỗi tháng khai một lần, vậy người được lĩnh hụi sẽ nhận được 9.000.000 đồng của 9 thành viên khác đóng (người hốt hụi không phải đóng). Những người đã hốt hụi vẫn phải tiếp tục đóng để các thành viên khác lĩnh. Đến tháng thứ 10, thành viên cuối cùng sẽ được lĩnh hụi.

Có một hình thức khác của loại hụi không có lãi gọi là hụi “heo”: Hụi này đóng tiền hụi theo ngày với mức đóng rất thấp: 5.000 đồng, 10.000 đồng, 20.000 đồng, 30.000 đồng, 40.000 đồng, 50.000 đồng... Chu kỳ hốt hụi luôn là một năm. Đây là hình thức giống như bỏ ống heo tiết kiệm (nên gọi là hụi heo). Các “con” chỉ thu được số tiền góp hụi vào cuối kỳ đúng bằng số tiền mà họ đã góp trong năm nhằm có một khoản tiền kha khá để mua sắm đồ hoặc phục vụ vào dịp tết Nguyên đán. “Cái” sử dụng số tiền huy động được trong hụi heo để đầu tư quay vòng vốn hoặc tham gia vào phần hụi khác.

#### **1.1.5.2. Hụi có lãi**

Căn cứ Điều 17, Nghị định 144 của Chính phủ quy định: “Hụi có lãi là hụi mà theo sự thỏa thuận giữa những người tham gia hụi, thành viên được lĩnh họ nhận các phần họ khi đến kỳ mở họ và phải trả lãi cho các thành viên khác. Thành viên đã lĩnh họ có nghĩa vụ tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ”. Hụi này mang bản chất kinh doanh, có lãi. Các thành viên bỏ phiếu kín để xác định người được lĩnh hụi trong kỳ mở hụi. Ai bỏ tiền lãi cao nhất thì được hốt hụi trước, các thành viên khác chỉ phải đóng phần hụi khi đã trừ đi mức tiền lãi mà họ đã đưa ra. Loại hụi này thông thường có nhiều thành viên tham gia với khoản tiền góp hụi rất lớn và các thành viên ngay từ đầu đã có ý thức kinh doanh tiền tệ. Thành viên nào muốn lĩnh hụi sớm thường phải trả một khoản tiền lãi khá cao cho những thành viên khác để được lấy trước khi cần huy động vốn làm ăn. Hụi có lãi được thể hiện qua 2 loại sau:

## + Hụi đầu thảo

Căn cứ Điều 19, Nghị định 144 của Chính phủ: “Hụi đầu thảo là hụi mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia hụi, chủ hụi được lĩnh toàn bộ các phần hụi trong một kỳ mở hụi và không phải trả lãi cho các thành viên khác. Trong các kỳ mở hụi khác, thành viên trả lãi cao nhất được lĩnh hụi và phải trả lãi cho các thành viên khác”. Lưu ý là chủ hụi không được chia số tiền lãi này vì đã lĩnh hụi nên sẽ là thành viên phải đóng hụi chết.

Chủ hụi (chủ thảo) có trách nhiệm thu tiền của các thành viên khác để giao cho thành viên được lĩnh hụi và có nghĩa vụ đóng hụi chết kể từ lần khai hụi tiếp theo cho đến khi dây hụi kết thúc. Ví dụ: Trong dây hụi đầu thảo có 12 thành viên do Nguyễn Văn An là chủ hụi, mỗi phần hụi mỗi tháng là 1.000.000đ. Dây hụi có tổng số tiền là 12.000.000đ và bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc 01/01/2017. Khi khai hụi lần đầu thì ông An được ưu tiên lĩnh trọn 11.000.000đ mà không phải trả lãi (12.000.000đ – 1.000.000đ chủ hụi không phải đóng). Lần khai hụi tiếp theo thành viên nào trả lãi cao nhất thì được lĩnh hụi.

Tại lần khai hụi thứ hai, nếu thành viên Phạm Văn Long trả lãi cao nhất với số tiền lãi cho mỗi phần hụi là 150.000đ nên được lĩnh hụi, các thành viên khác chưa được lĩnh hụi chỉ phải đóng hụi sống là 850.000đ/người (1.000.000đ – 150.000đ tiền lãi = 850.000đ). Đối với chủ hụi phải đóng tiền hụi chết là 1.000.000đ. Như vậy tổng số tiền thành viên Long được hưởng là: 10 thành viên phải đóng hụi sống x 850.000đ + 1.000.000đ hụi chết chủ hụi đóng (thành viên Long không phải đóng) = 9.500.000đ.

(Trường hợp trên, có một hình thức khác góp và hụi như sau: Tất cả các thành viên đều góp 1.000.000đ, như vậy 12 thành viên sẽ góp được 12.000.000đ. Phạm Văn Long trả lãi cao nhất 1.500.000đ và được lĩnh 10.500.000đ (trong đó có 1.000.000đ do Phạm Văn Long đóng nên thực tế chỉ nhận 9.500.000đ từ các thành viên khác). Chủ hụi đã lĩnh hụi nên không được trả lãi, số tiền lãi 1.500.000đ sẽ được chia cho 10 thành viên còn lại, mỗi người sẽ được nhận 150.000đ)

Tương tự, lần khai hụi thứ ba thành viên Nguyễn Thị Huệ trả lãi cao nhất với số tiền lãi 100.000đ cho mỗi phần hụi thì các thành viên khác chưa lĩnh hụi chỉ phải đóng hụi sống là 900.000đ/người. Như vậy, tổng số tiền thành viên Huệ được lĩnh là: (10 thành viên phải đóng hụi sống x 900.000đ) +

(02 thành viên phải đóng hụi chết (chủ hụi An và thành viên Long) x 1.000.000đ) = 11.000.000đ.

Tương tự như vậy cho đến lần khai hụi cuối cùng, người lãnh hụi cuối cùng sẽ không phải trả lãi và được nhận 11.000.000đ do 11 thành viên phải nộp hụi chết (12.000.000đ trừ số tiền 1.000.000đ mà thành viên cuối cùng này không phải đóng).

### **+ Hụi hưởng hoa hồng**

Căn cứ Điều 24 NĐ144: “Hụi hưởng hoa hồng là hụi mà theo sự thoả thuận giữa những người tham gia hụi, chủ hụi có trách nhiệm thu phần hụi của các thành viên góp hụi để giao cho thành viên được lãnh hụi. Thành viên được lãnh hụi phải trả lãi cho các thành viên khác và phải trả một khoản hoa hồng cho chủ hụi. Mức hoa hồng do những người tham gia hụi thoả thuận”. Chủ hụi không phải là thành viên của dây hụi. Các thành viên đều phải bốc thăm trả lãi suất. Theo quy ước thành viên nào trả lãi cao nhất thì được lãnh hụi, số tiền này được coi là tiền lãi của các thành viên khác.

Ví dụ: Dây hụi tuần có 10 thành viên do anh Trần Chí Dũng làm chủ hụi với mỗi phần hụi là 1.000.000đ và tiền hoa hồng cho chủ hụi là 100.000đ trên kỳ lãnh hụi. Cách tính như sau:

Ở kỳ khai hụi đầu tiên thành viên Lê Minh Nghĩa trả lãi cao nhất với số tiền lãi 250.000đ cho mỗi phần hụi, thì thành viên Nghĩa được lãnh hụi với số tiền là: 09 thành viên phải đóng hụi sống x 750.000đ hụi sống – 100.000đ tiền hoa hồng cho chủ hụi = 6.650.000đ. (thành viên Nghĩa lãnh hụi nên không phải đóng, Dũng là chủ hụi nhưng không phải thành viên nên không phải đóng)

Ở lần khai hụi thứ hai, thành viên Lan trả lãi cao nhất với số tiền lãi 200.000đ cho mỗi phần hụi thì thành viên Lan được lãnh hụi với số tiền là: 08 thành viên phải đóng hụi sống x 800.000đ hụi sống + 1.000.000đ hụi chết của thành viên Nghĩa đã hốt hụi – 100.000đ tiền hoa hồng cho chủ hụi = 7.300.000đ.

Lần lượt như vậy cho đến người lãnh hụi cuối cùng thì dây hụi chấm dứt. Thành viên lãnh hụi cuối cùng sẽ được lãnh số tiền là 8.900.000đ (09 triệu đồng do 09 thành viên có hụi chết phải đóng – 100.000đ tiền hoa hồng cho chủ hụi).

Đối với hội hưởng hoa hồng này các thành viên trả tiền hoa hồng cho chủ hội có thể thỏa thuận theo số phần trăm (%) tổng số tiền lãi hoặc giá trị của một phần hội. Ví dụ: Thỏa thuận chủ hội được hưởng tiền hoa hồng là 10% tổng số tiền lãi, nếu một dây hội tháng có 10 thành viên, mỗi thành viên góp mỗi kỳ là 1.000.000đ thì dây hội có số tiền góp mỗi tháng là 10.000.000đ. Nếu tháng thứ 2, thành viên Khang trả lãi cao nhất là 1.000.000đ nên được hốt hội 9.000.000đ (trong đó có 1.000.000đ do Khang góp nên thực tế Khang chỉ nhận 8.000.000đ). Vậy chủ hội được nhận số tiền hoa hồng là:  $10\% \times 1.000.000\text{đ}$  tổng số tiền lãi = 100.000đ. Số tiền lãi còn lại  $1.000.000\text{đ} - 100.000\text{đ} = 900.000\text{đ}$  được chia cho 8 thành viên nộp hội sống (10 thành viên – (Khang + 1 thành viên lĩnh hội tháng thứ nhất), mỗi thành viên sẽ được số tiền lãi  $900.000\text{đ}/8 = 112.500\text{đ}$  (hoặc chỉ phải nộp hội  $1.000.000\text{đ} - 112.500\text{đ} = 887.500\text{đ}$ ).

Tương tự, nếu chủ hội và các thành viên trong dây hội thỏa thuận về tiền hoa hồng theo số phần trăm (%) giá trị của một phần hội trong dây hội. Ví dụ trả tiền hoa hồng cho chủ hội bằng 30% giá trị phần hội 1.000.000đ. Thì tại hằng kỳ khai hội, sau khi các thành viên lĩnh hội xong có nghĩa vụ phải trả tiền hoa hồng cho chủ hội là 300.000đ ( $30\% \times 1.000.000\text{đ}/1$  phần).

## **1.2. PHÁP LUẬT VỀ HỘI**

Căn cứ tại Điều 471 BLDS 2015 quy định mang tính nguyên tắc chung về hội, họ, biêu, phường như sau: “Họ, hội, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Việc tổ chức họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm việc tổ chức họ dưới hình thức cho vay nặng lãi”.

Tại Điều 2 NĐ 144 cũng quy định: “Quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan được pháp luật bảo vệ. Nghiêm cấm việc tổ chức họ để cho vay nặng lãi, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm hoặc các hành vi trái pháp luật khác để chiếm đoạt tài sản của người khác”.

Như vậy theo các quy định này thì pháp luật nước ta thừa nhận và bảo hộ việc chơi hội có mục đích lành mạnh, mang tính tương thân tương ái, mà không nhằm mục đích kinh doanh, trục lợi. Nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức hội dưới hình thức cho vay nặng lãi. Đây là mục đích tốt đẹp của hội họ mà nhà nước hướng tới và cũng chính là nguồn gốc ban đầu khi hội họ ra đời. Tuy nhiên cùng với thời gian, ngày nay hình thức hội có lãi đã phát triển nhanh chóng và được nhiều người chơi ưa chuộng lựa chọn. Vì vậy ngoài mục đích tiết kiệm hay giúp đỡ lẫn nhau thì một bộ phận người dân chơi hội rõ ràng nhằm mục đích kinh doanh có lãi. Bởi vì một số người tham gia chơi hội nhưng không hề quen biết các thành viên khác trong dây hội mà chỉ thông qua chủ hội, như vậy nói hội chỉ nhằm mục đích tương thân, tương ái là không chính xác.

### **1.2.1. Quá trình phát triển của pháp luật về quan hệ giao dịch hội qua từng giai đoạn**

#### **+ Pháp luật về quan hệ hội trước năm 1996**

Trước tình hình các dây hội lập ra sau đó bẽ, vỡ hàng loạt vào cuối thập niên 80 đầu thập niên 90 của thế kỷ XX gây ảnh hưởng xấu đến ổn định kinh tế, xã hội của đất nước. Ngày 10/8/1990, Văn Phòng Hội đồng Bộ trưởng đã ra Thông báo số 2590/PPCT về ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về chống tệ nạn xã hội “vỡ hội” có nội dung như sau: “Nghiêm cấm tất cả các tổ chức và mọi công dân tổ chức hội và tham gia hội dưới mọi hình thức. Bất cứ tổ chức cá nhân nào mà tham gia chơi hội, họ thì tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà xử lý hành chính hoặc truy tố trước pháp luật”. Tuy nhiên, việc chơi hội vẫn không giảm, mà còn có chiều hướng gia tăng, số lượng các tranh chấp về nợ hội khởi kiện tại toà án ngày một nhiều, trong khi đó pháp luật lại chưa có quy định điều chỉnh cụ thể vấn đề này. Chính vì vậy, ngày 8/8/1992, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân tối cao đã ra Thông tư liên ngành số 04/TTLN hướng dẫn toàn ngành thống nhất đường lối giải quyết tranh chấp về nợ hội. Theo Thông tư số 04/TTLN, thì các tranh chấp về hội, họ phải được thụ lý và giải quyết như là một loại tranh chấp về vay nợ, khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển sang xử lý bằng hình sự. Căn cứ vào hướng dẫn của thông tư liên ngành số 04/TTLN ngày 8/8/1992, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý và giải quyết nhiều vụ tranh chấp về nợ hội cho đến khi

BLDS 1995 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/7/1996 góp phần bảo vệ quyền lợi của công dân, tăng cường giữ vững trật tự xã hội.<sup>3</sup>

#### **+ Pháp luật về quan hệ hui từ năm 1996 đến năm 2006**

Kể từ ngày BLDS 1995 có hiệu lực ngày 01/7/1996, theo quy định tại điểm 2, khoản 2, Nghị quyết QH khóa IX kì họp thứ 8 “Về việc thi hành BLDS” TAND TC đã có thông báo số 38/KHXX ngày 5/7/1996 “Về việc hủy bỏ, chấm dứt hiệu lực thi hành, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định pháp luật dân sự theo Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành BLDS”. Theo Thông báo số 38 này thì Thông tư liên ngành số 04/TTLN 1992 không còn hiệu lực áp dụng để giải quyết các tranh chấp về nợ hui phát sinh từ việc chơi hui xác lập từ ngày 1/7/1996.<sup>4</sup>

Trong khi đó, BLDS 1995 lại không có quy định nào điều chỉnh vấn đề này, nên khi có tranh chấp thì Tòa án không có căn cứ pháp luật để giải quyết. Trước tình hình đó, Tòa án nhân dân tối cao ra công văn hướng dẫn các Tòa án địa phương ngừng thụ lý việc giải quyết tranh chấp hui phát sinh từ sau ngày 1/7/1996 – thời điểm BLDS 1995 có hiệu lực, nếu đã được thụ lý, chưa giải quyết xong thì ra quyết định tạm đình chỉ để chờ hướng dẫn mới. Việc thiếu vắng sự điều chỉnh của pháp luật với quan hệ này dẫn đến khi các bên tự giải quyết tranh chấp với nhau gây mất trật tự xã hội.

Sau ngày 1/7/1996 việc chơi hui, họ trong nhân dân vẫn diễn ra khá phổ biến, nhiều tranh chấp về hui đã gây ảnh hưởng xấu đối với người dân và tình hình trật tự an ninh xã hội, tuy nhiên vẫn chưa được Tòa án thụ lý giải quyết. Điều này đã gây ra nhiều bức xúc trong nhân dân, nhiều người đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ hui, nhiều Tòa án địa phương, chính quyền, cấp ủy đã có nhiều công văn đề nghị TAND TC phối hợp với các cơ quan hữu quan Trung ương nghiên cứu và ra văn bản hướng dẫn giải quyết các tranh chấp nợ hui được xác lập từ ngày 1/7/1996 trở lại đây. Đặc biệt các đoàn Đại biểu QH các tỉnh, thành phố có nhiều kiến nghị yêu cầu TAND TC phối hợp với các cơ quan hữu quan ở Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn

---

<sup>3</sup> Trần, Văn Biên. 2008. Họ, hui, biêu, phường trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Quá khứ và hiện tại, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3, 549.

<sup>4</sup> Vũ, Việt Phương. 2007. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ họ, hui, biêu, phường trên cơ sở pháp luật dân sự năm 2005. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7, 62.



giải quyết các tranh chấp này để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và an ninh, trật tự trong cả nước. Tuy nhiên chờ mãi vẫn không thấy TAND TC có văn bản nào hướng dẫn về hối, họ, biên, phường. Trong thời gian này, một số Toà án đã linh động giải quyết các tranh chấp về nợ hối dưới dạng hợp thức hoá bằng HĐ VTS để chuyển sang giải quyết kiện đòi nợ. Điều này trên thực tế chỉ giải quyết được khi các bên thống nhất về việc thoả thuận là HĐ VTS, còn khi một trong hai bên không nhất trí thì sẽ gặp khó khăn. Khi phát sinh tranh chấp về nợ hối (chủ yếu là tranh chấp giữa người chơi hối và chủ hối), tức là phát sinh tranh chấp về vay nợ thì việc tòa án không thụ lý giải quyết vô hình chung đã làm hạn chế quyền về tài sản của các đương sự.<sup>5</sup>

Trong suốt 10 năm, bắt đầu từ 1995, các kỳ họp của QH đã nhiều lần đề cập đến hối họ, song chưa đi đến một quyết sách nào, trong khi thực tế ở nước ta, quan hệ hối được xác lập ở mọi lúc, mọi nơi. Các Đại biểu QH cũng như nhiều đề tài trên sách báo đã có nhiều ý kiến khác tranh luận về vấn đề giao dịch hối. Từ những tranh luận này, cuối cùng BLDS 2005 đã có một điều luật quy định về hối, họ, biên, phường. Đây là điều luật mang tính nguyên tắc khi giải quyết các tranh chấp về hối, họ, biên phường.

#### **+ Pháp luật về quan hệ hối từ năm 2006 đến năm 2015**

Vào ngày 14/6/2005, Quốc Hội đã thống nhất thông qua BLDS 2005 tại kỳ họp thứ 7 bao gồm 777 điều quy định. Trong đó có quy định về vấn đề hối, họ, biên, phường tại điều 479, trong phần quy định về HĐ VTS. Sau đó, ngày 27/11/2006 Chính phủ ban hành Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hối, họ, biên, phường. Tuy vậy, khi các bên có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về hối họ thì Toà án vẫn chưa thụ lý do chưa có văn bản hướng dẫn vì các loại án liên quan đến hối thì Chính phủ đã có nghị định hướng dẫn nhưng thời điểm đó TAND TC chưa có văn bản hướng dẫn nên vẫn chưa thụ lý giải quyết. Mãi cho đến ngày 06/04/2007 TAND TC có Công văn số 40/KHXX hướng dẫn giải quyết tranh chấp về hối, họ. Như vậy, Điều 479 BLDS 2005, NĐ144, Công văn số 40/KHXX là những căn cứ pháp lý để Toà án thụ lý và giải quyết các tranh chấp về hối họ từ giai đoạn BLDS 2005 có hiệu lực đến năm 2017.

---

<sup>5</sup> Nguyễn, Đình Giáp, sdd, 18.

## **+ Pháp luật về quan hệ hội từ năm 2015 đến nay**

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII vào ngày 24/11/2015 đã chính thức thông qua Bộ luật Dân sự với 86,84% số đại biểu tán thành và thông qua Bộ luật tố tụng dân sự với 88,66% số đại biểu tán thành. Bộ luật dân sự 2015 gồm 27 chương, 689 điều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Và ngày 25/11/2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 gồm 42 chương, 517 điều, trong đó bổ sung mới 102 điều, sửa đổi, bổ sung 292 điều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.<sup>6</sup> Tuy BLDS 2015 mới ra đời nhưng một số điều quy định tại luật mới thì không có sự thay đổi về nội dung chỉ thay đổi về thứ tự của các điều. Trong đó, quy định về hội vẫn được giữ nguyên như tinh thần chung của BLDS 2005. Cụ thể từ Điều 479 BLDS 2005 quy định về hội, họ, biểu, phường được thay đổi thành Điều 471 BLDS 2015. Hiện nay, Tòa vẫn thụ lý giải quyết các vụ án tranh chấp nợ hội dựa trên cơ sở pháp lý là BLDS 2015, NĐ144, Công văn số 40/KHXX bởi vì NĐ144 và Công văn số 40 vẫn còn hiệu lực thi hành và chưa bị thay thế bằng văn bản khác.

### **1.2.2. Quy định về hình thức và nội dung thoả thuận về hội**

Về hình thức thoả thuận về hội được quy định tại Điều 7 NĐ144 thì thoả thuận về hội được thể hiện bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Văn bản thoả thuận về hội được công chứng, chứng thực nếu những người tham gia họ có yêu cầu. Qua quy định trên chúng ta thấy được rằng pháp luật không bắt buộc các thoả thuận về hội phải bằng văn bản, có thể bằng lời nói, nhưng nếu các bên thoả thuận khi tham gia hội phải lập thành văn bản và ở mức độ cao hơn các văn bản thảo thuận có công chứng hoặc chứng thực sẽ hạn chế được tranh chấp xảy ra và nếu có tranh chấp thì việc giải quyết sẽ đỡ phức tạp. Quyền của chủ hội và các thành viên sẽ được đảm bảo hơn.

Về nội dung thoả thuận về hội được quy định tại Điều 8 NĐ144 thì tùy theo từng loại hội, những người tham gia hội có thể thoả thuận về các nội dung sau đây: chủ họ, số người tham gia, phần họ, kỳ mở họ, thể thức góp họ và lĩnh họ, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia họ, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, việc chuyển giao phần họ, việc ra khỏi họ, chấm dứt họ và

---

<sup>6</sup> Công thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. 2015. Quốc hội thông qua Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi) và Luật tố tụng hành chính (sửa đổi), ngày truy cập 09.12.2016 <<http://www.vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-5444>>

các nội dung khác. Thực tế, các thành viên trong một dây hụi ít khi thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của người tham gia, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, về trách nhiệm của chủ hụi cũng thường không chặt chẽ. Từ đó, dẫn đến khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp khó xác định được quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên.

### **1.2.3. Quy định về sổ hụi**

Khi tham gia chơi hụi thì có thể thỏa thuận bằng miệng nhưng vẫn phải có sổ hụi. Nếu có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ dựa trên sổ hụi để căn cứ giải quyết tranh chấp và được quy định tại Điều 9 NĐ144. Khi tham gia chơi hụi thì chủ hụi phải lập và giữ sổ hụi. Nếu trong trường hợp hụi không có chủ hụi thì những người tham gia hụi uỷ quyền cho một thành viên lập và giữ sổ hụi. Tùy theo từng loại hụi, sổ hụi có thể bao gồm các nội dung sau:

- + Tên, địa chỉ của chủ hụi và các thành viên trong hụi;
- + Phần hụi, kỳ mở hụi, thể thức góp hụi và lĩnh hụi;
- + Số tiền, tài sản khác đã góp hụi hoặc đã lĩnh hụi;
- + Việc chuyển giao phần hụi;
- + Việc ra khỏi họ và chấm dứt hụi;
- + Chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hụi và lĩnh hụi;
- + Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của hụi.

Lưu ý, khi tham gia chơi hụi thì thành viên tham gia nên yêu cầu chủ hụi ghi rõ họ và tên đầy đủ của từng thành viên tham gia; địa chỉ thường trú cụ thể của từng thành viên đó trong sổ hụi nhằm giúp cho cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát cũng như cơ quan điều tra thuận tiện trong việc xác minh, điều tra vụ việc thuận lợi và dễ dàng hơn nếu có tranh chấp xảy ra. Tránh trường hợp chủ hụi chỉ ghi tên của thành viên và ghi địa chỉ thường trú không rõ ràng gây khó khăn trong công tác giải quyết tranh chấp nợ hụi. Bên cạnh đó, cần nên ghi rõ trong sổ hụi là dây hụi trị gồm nhiều phần tương ứng với bao nhiêu thành viên tham gia, mỗi phần trị giá bao nhiêu và cách thức góp như thế nào và kỳ mở hụi được thỏa thuận mở vào một thời điểm cụ thể do thỏa thuận thống nhất giữa các bên tham gia. Đặc biệt, trong mỗi kỳ khai hụi thì chủ hụi nên ghi rõ họ và tên đầy đủ của thành viên được hốt hụi với số tiền được hốt là bao nhiêu và cách bỏ lãi của thành viên đó được lĩnh hụi. Bên cạnh đó, các bên khi giao và nhận tiền được lĩnh hụi hoặc góp hụi thì cần nên ghi biên nhận

giữa hai bên khi giao và nhận số tài sản nên có chữ ký hoặc điểm chỉ giữa các bên. Để đảm bảo quyền lợi cho chính mình và tránh các vụ tranh chấp đáng tiếc xảy ra thì việc tuân thủ các quy định của pháp luật về sổ hụi là rất cần thiết, nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra cho những thành viên chơi hụi.

#### **1.2.4. Quy định về lãi suất trong hụi**

Trong trường hợp hụi có lãi thì lãi suất đối với phần hụi được thực hiện theo quy định tại Điều 468 của BLDS 2015 như sau: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”. Nói cách khác, nếu tham gia chơi hụi mà các thành viên bỏ lãi suất cao hơn quy định 468 BLDS 2015 là trái pháp luật. Bởi vì hụi hấp dẫn mọi thành phần xã hội tham gia chủ yếu là do lãi suất rất cao, lên đến cả chục phần trăm mỗi kỳ. Tuy nhiên, với tinh thần là tránh lãi suất cao nhằm để hạn chế rủi ro cho những người tham gia nhưng mức lãi suất này khó được đời sống xã hội chấp nhận vì đây là mức lãi quá thấp, trái với lệ chơi hụi đã được chấp nhận trong thời gian rất dài. Nếu có những dây hụi vượt quá mức lãi này thì khi xảy ra tranh chấp, Tòa án sẽ coi như trái pháp luật và không công nhận mức lãi suất này và tính lại lãi suất theo quy định pháp luật nhằm để giải quyết tranh chấp nợ hụi. Như vậy có thể thấy rằng, việc bỏ lãi cao khi chơi hụi dẫn đến nhiều rủi ro, nhưng quy định mức lãi như hiện nay là chưa hợp lý, cần có những giải pháp quy định lại về lãi suất trong hụi họ để phù hợp hơn so với thực tế.

#### **1.2.5. Quy định về quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hụi**

##### **1.2.5.1. Đối với hụi không có lãi**

##### **+ Đối với thành viên tham gia hụi không có lãi**

Khi tham gia hụi không có lãi thì hụi viên được hưởng các quyền được quy định tại điều 14 NĐ144. Đây là căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia chơi hụi. Khi đến kỳ mở hụi, thành viên được lĩnh hụi có quyền nhận các phần hụi từ chủ hụi hoặc các thành viên khác trong hụi. Nếu trường hợp có tranh xảy ra thì thành viên có quyền yêu cầu

Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp bị vi phạm. Và việc chuyển giao phần hội theo quy định chuyển giao quyền và nghĩa vụ tại Mục 5 Chương XV từ các Điều 365 đến Điều 371 của BLDS 2015. Không những thành viên được hưởng các quyền lợi trên mà còn được yêu cầu chủ hội hoặc người giữ sổ hội cho xem sổ hội và cung cấp các thông tin liên quan đến hội. Bên cạnh những quyền mà thành viên được hưởng thì cũng phải có nghĩa vụ khi tham gia không có lỗi được quy định tại Điều 13 NĐ144 thì thành viên phải góp phần hội theo thoả thuận cho chủ hội trong trường hợp có chủ hội hoặc cho thành viên được lĩnh hội và phải bồi thường thiệt hại cho những người tham gia họ, nếu vi phạm nghĩa vụ mà gây thiệt hại.

#### **+ Đối với chủ hội tham gia hội không có lỗi**

Khi tham gia hội không có lỗi thì chủ hội trong dây hội không có lỗi cũng được hưởng các quyền được quy định tại Điều 16 NĐ144. Đây là những quyền cơ bản của chủ hội nhằm duy trì dây hội hoạt động đúng với các nội dung đã thoả thuận về hội, đảm bảo sự an toàn cho dây hội. Đồng thời là cơ sở pháp lý bảo vệ quyền lợi chính đáng của chủ hội khi phát sinh tranh chấp. Chủ hội có quyền yêu cầu các thành viên trong dây hội phải góp phần hội khi đến kỳ góp hội và yêu cầu thành viên được lĩnh hội nhận các phần hội khi đến kỳ mở hội. Nếu trường hợp thành viên không góp phần hội của mình thì chủ hội có quyền yêu cầu thành viên đó phải hoàn trả phần hội trong trường hợp chủ hội đã góp thay cho thành viên đó. Bên cạnh những quyền mà chủ hội được hưởng thì chủ hội cũng phải có nghĩa vụ khi tham gia hội không có lỗi nhằm hạn chế mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của việc chơi hội trong nhân dân. Từ các nghĩa vụ này ràng buộc, có thể hạn chế được các vụ vỡ hội đáng tiếc xảy ra, khi có tranh chấp cũng sẽ có cơ sở pháp lý để giải quyết vụ việc nhanh chóng, thuận tiện hơn được quy định tại Điều 15 NĐ144 thì chủ hội phải có những nghĩa vụ sau đây:

- + Lập và giữ sổ hội, giấy tờ có liên quan đến hội.
- + Thu phần hội của các thành viên.
- + Giao các phần hội cho thành viên được lĩnh.
- + Nộp thay phần hội của thành viên trong trường hợp có thoả thuận nếu đến kỳ mở hội mà thành viên không góp hội.

+ Cho các thành viên xem sổ hụi và cung cấp các thông tin liên quan đến hụi khi có yêu cầu.

### **1.2.5.2. Đối với hụi có lãi**

#### **+ Đối với thành viên tham gia hụi đầu thảo**

Thành viên hụi đầu thảo có các quyền giống như thành viên tham gia hụi không lãi. Bên cạnh đó còn có các quyền được quy định tại Điều 21 NĐ144 thì thành viên khi đến kỳ khai hụi thì có quyền đưa ra mức lãi trong mỗi kỳ mở hụi, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 NĐ144 (thành viên không được tham gia trả lãi trong các kỳ tiếp theo nếu đã lĩnh hụi, trừ trường hợp góp nhiều phần hụi trong một dây hụi) và được hưởng lãi từ thành viên được lĩnh hụi. Về nghĩa vụ, thành viên tham gia hụi đầu thảo có nghĩa vụ được quy định tại Điều 20 NĐ144 khi đến kỳ khai hụi thì thành viên có nghĩa vụ góp phần hụi hoặc trả lãi cho các thành viên khác khi được lĩnh họ. Nếu vi phạm nghĩa vụ mà gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người tham gia hụi.

#### **+ Đối với chủ hụi tham gia hụi đầu thảo**

Chủ hụi trong hụi đầu thảo có các quyền được lĩnh các phần hụi trong một kỳ mở hụi và yêu cầu thành viên không góp phần hụi của mình phải hoàn trả phần hụi trong trường hợp chủ hụi đã góp thay cho thành viên đó. Không phải trả lãi cho các thành viên khác và thường chủ hụi đầu thảo có tham gia trong dây hụi sẽ được hốt tại kỳ đầu tiên khi mở hụi theo quy định tại Điều 23 NĐ144. Bên cạnh đó, nghĩa vụ của chủ hụi đầu thảo được quy định tại Điều 22 NĐ144 thì phải có các nghĩa vụ giống như chủ hụi không có lãi.

#### **+ Đối với thành viên tham gia hụi hưởng hoa hồng**

Nghĩa vụ của thành viên hụi hưởng hoa hồng được quy định tại Điều 25 NĐ144 thì thành viên phải trả khoản hoa hồng cho chủ hụi theo thỏa thuận giữa các bên trong dây hụi và phải có các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 20 NĐ144 giống như nghĩa vụ thành viên hụi đầu thảo. Bên cạnh những nghĩa vụ phải thực hiện thì thành viên tham gia hụi hưởng hoa hồng còn được hưởng các quyền được quy định tại Điều 26 NĐ144 về quyền của thành viên trong hụi hưởng hoa hồng và có các quyền theo quy định tại Điều 21 NĐ144 giống như quyền thành viên trong hụi đầu thảo.

### **+ Đối với chủ hội tham gia hội hưởng hoa hồng**

Chủ hội hưởng hoa hồng có các quyền được quy định tại Điều 28 NĐ144 thì chủ hội được hưởng hoa hồng từ các thành viên được lĩnh hội và yêu cầu các thành viên góp phần hội. Nếu trường hợp thành viên không góp phần hội của mình thì chủ hội có quyền yêu cầu phải hoàn trả phần hội mà chủ hội đã góp thay cho thành viên đó. Bên cạnh những quyền chủ hội có được thì chủ hội còn phải có các nghĩa vụ quy định tại Điều 27 NĐ144 giống như nghĩa vụ của chủ hội không có lãi.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỢ HỤI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

## 2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU



**Hình 1. Bản đồ tỉnh Trà Vinh**

Nguồn: Trang Thông tin điện tử Tỉnh Trà Vinh, 2016

Trà Vinh là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long; vị trí địa lý giới hạn từ  $9^{\circ}31'46''$  đến  $10^{\circ}4'5''$  vĩ độ Bắc và từ  $105^{\circ}57'16''$  đến  $106^{\circ}36'04''$  kinh độ Đông. Trà Vinh cách thành phố Hồ Chí Minh 200 km đi bằng quốc lộ 53 qua tỉnh Vĩnh Long, khoảng cách rút ngắn thời gian chỉ còn 130 km nếu đi bằng quốc lộ 60 qua tỉnh Bến Tre, cách thành phố Cần Thơ 95 km. Được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu với 02 cửa Cung Hầu và Định An là 2 cửa sông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông thương qua biển Đông với cả nước và quốc tế. Phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vĩnh Long, phía Nam giáp Sóc Trăng, phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre, có 65 km bờ biển. Những điều kiện đó tạo cho Trà Vinh có nhiều lợi thế trong giao lưu kinh tế và giao lưu với các tỉnh khác, vị thế quan trọng về kinh tế và quốc phòng đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong tương lai không xa, cùng với việc Chính phủ sẽ khởi công Dự án Luồng cho tàu có trọng tải lớn vào sông Hậu (Dự án kênh Quan Chánh Bô) Trà Vinh sẽ có điều kiện tốt để xây dựng một khu kinh tế tổng hợp ở huyện Duyên Hải và Trà Cú. Các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Trà Vinh bao gồm 01 thành phố, 01 thị xã, 7 huyện (Thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, huyện Châu Thành, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, Cầu Ngang, Duyên Hải).



Dân số khoảng 1,1 triệu người với 03 dân tộc chính: Kinh, Khmer, Hoa, trong đó dân tộc Khmer chiếm khoảng 30% dân số. Lao động trong độ tuổi trên 70%, trong đó có 34% đã qua đào tạo sẽ là nguồn cung cấp lao động tốt cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là các ngành có nhu cầu sử dụng nhiều lao động. Tỉnh có Trường Đại học Trà Vinh, Trường Cao đẳng y tế, Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, Trường Trung cấp nghề, Trung tâm công nghệ thông tin quốc tế NIIT, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ và 08 trung tâm dạy nghề, 02 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, 04 trung tâm giáo dục thường xuyên, trên 40 trường trung học phổ thông.<sup>7</sup>

## 2.2. THỰC TRẠNG TRANH CHẤP NỢ HỤI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

**Bảng 1: Tình hình tranh chấp nợ hụi được thụ lý trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 - 2016**

Địa bàn	Năm							Tổng 6 năm
	2011	2012	2013	2014	2015	2016		
H. Tiểu Cần	199	458	139	148	71	63	1.078	
TP. Trà Vinh	20	45	178	38	34	36	351	
H. Cầu Kè	12	6	17	22	58	65	180	
H. Châu Thành	10	16	33	8	44	52	163	
H. Càng Long	18	13	34	10	46	38	159	
H. Trà Cú	14	30	5	72	20	16	157	
H. Duyên Hải	23	4	24	17	52	12	131	
H. Cầu Ngang	5	32	9	15	29	26	116	
TX. Duyên Hải	-	-	-	-	-	55	55	
<b>Tổng cộng</b>	<b>301</b>	<b>603</b>	<b>439</b>	<b>330</b>	<b>354</b>	<b>363</b>	<b>2390</b>	

Nguồn: Số liệu từ Báo cáo kết quả thụ lý và giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh Trà Vinh, 2016

Từ số liệu thống kê tại Tòa án về tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh tại Bảng 1, tác giả thực hiện cuộc khảo sát 135 cá nhân đã từng có tranh chấp nợ hụi để đánh giá thực trạng tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đề tài

<sup>7</sup> Cổng thông tin điện tử Trà Vinh. 2016. Tổng quan Trà Vinh – Tiềm năng phát triển, ngày truy cập: 09.12.2016 <<http://www.travinh.gov.vn>>

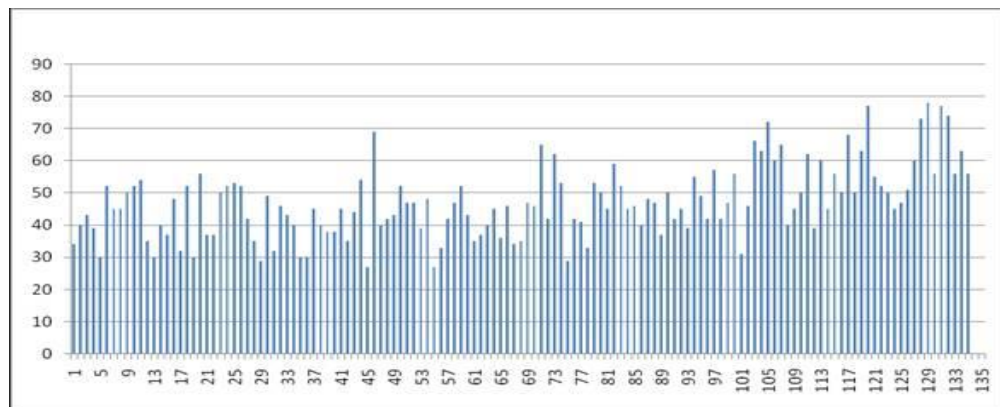
sử dụng thông tin thu thập trực tiếp từ 135 cá nhân đã từng tranh chấp nợ hui trên địa bàn được tiến hành vào tháng 07/2016. Tác giả phân bổ số lượng phiếu khảo sát dựa theo tỷ lệ tổng số vụ án tranh chấp tại Tòa án các huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh Trà Vinh trên tổng số vụ án tranh chấp về nợ hui trên toàn tỉnh trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016. Cụ thể trong 6 năm, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã thụ lý 1.078/2.390 vụ án, chiếm tỷ lệ 45,01% tương đương với 61 phiếu ( $45,01\% \times 135 = 61$ ) được phân bổ trên địa bàn huyện Tiểu Cần; tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã thụ lý 351/2.390 vụ án chiếm tỷ lệ 14,68% tương đương với 20 phiếu ( $14,68\% \times 135 = 20$ ) được phân bổ trên địa bàn thành phố Trà Vinh; tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thụ lý 157/2.390 vụ án chiếm tỷ lệ 6,56% tương đương với 09 phiếu ( $6,56\% \times 135 = 09$ ) được phân bổ trên địa bàn huyện Trà Cú; tương tự cách tính toán trên thì tác giả sẽ tính được các địa bàn còn lại trên tỉnh Trà Vinh. Chi tiết các địa bàn đã khảo sát được trình bày Bảng 2.

**Bảng 2: Các huyện, thị xã, thành phố được khảo sát**

Địa bàn	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Huyện Tiểu Cần	61	45,19
Thành phố Trà Vinh	20	14,81
Huyện Cầu Kè	10	7,41
Huyện Càng Long	09	6,67
Huyện Trà Cú	09	6,67
Huyện Châu Thành	09	6,67
Huyện Duyên Hải	07	5,18
Huyện Cầu Ngang	07	5,18
Thị xã Duyên Hải	03	2,22
<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Trước giờ nhiều người cho rằng chỉ có nữ giới mới tham gia chơi hội. Tuy nhiên, thực tế qua khảo sát thì có 108 nữ giới chiếm tỷ trọng 80% và 20% còn lại là nam giới tham gia chơi hội. Số lượng chủ hộ là nam giới tham gia chơi hội cũng khá cao. Điều này chứng tỏ được vai trò tích cực của hội đối với hộ gia đình. Số thành viên trong một hộ gia đình giao động từ hai đến tám thành viên, trung bình một hộ có bốn thành viên. Bên cạnh đó, đa số cá nhân tham gia chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 95,6%, dân tộc Khmer chiếm 3,7% và dân tộc Hoa chiếm tỷ trọng 0,7% trên tổng số 135 cá nhân được triển khai khảo sát. Trong đó, có 14,8% cá nhân có sổ hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn tương đương với 20 cá nhân. Những chủ hộ có hoàn cảnh khó khăn này thường tham gia chơi hội góp với số tiền hàng kỳ rất ít. Và tuổi của chủ hộ tham gia hội là giao động từ 27 đến 78 tuổi, trung bình tuổi chủ hộ tham gia là 47 tuổi. Chi tiết tuổi của chủ hộ tham gia hội trên địa bàn được trình bày ở Hình 2.



**Hình 2. Tuổi của chủ hộ gia đình tham gia chơi hội được khảo sát**  
 Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

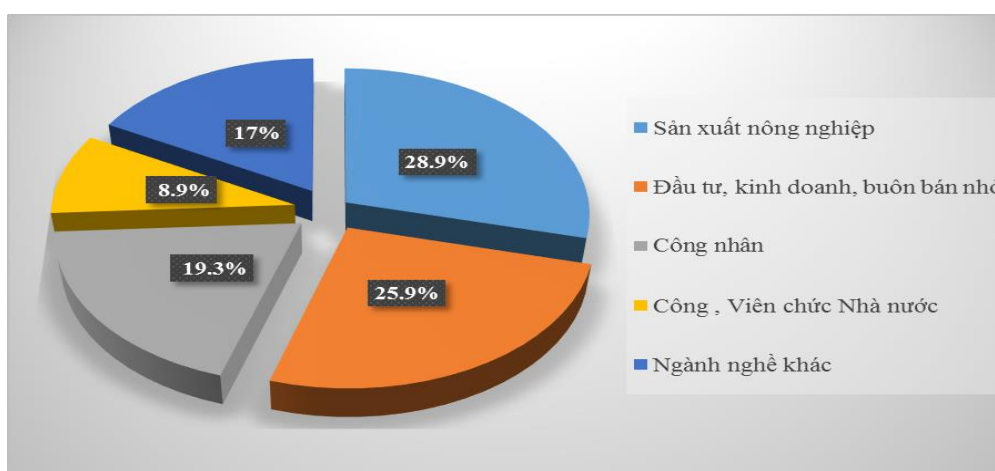
Qua kết quả khảo sát tác giả nhận thấy, trình độ học vấn của chủ hộ đa số từ trung học cơ sở trở lên, chiếm 64,4%. Ngược lại, vẫn còn 2,2% chủ hộ chưa biết chữ và 33,3% chủ hộ có trình độ tiểu học theo mẫu khảo sát. Thêm vào đó, tác giả còn khảo sát về trình độ chuyên môn của chủ hộ thì cho thấy đa số chủ hộ có trình độ từ sơ cấp nghề đến trung cấp nghề chiếm 83,0%. Ngược lại, 17,0% chủ hộ có trình độ Cao đẳng trở lên. Nhìn chung, trình độ chuyên môn của các chủ hộ tương đối thấp nhưng vẫn đảm bảo được việc tham gia hội bởi vì người tham gia có trình độ phổ thông vẫn đáp ứng được quyền và nghĩa vụ khi tham gia. Chi tiết về trình độ học vấn của chủ hộ được trình bày ở Bảng 3.

**Bảng 3: Trình độ học vấn của chủ hộ gia đình được khảo sát**

Trình độ học vấn của chủ hộ	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Chưa biết chữ	03	2,2
Tiểu học	45	33,3
Trung học cơ sở	45	33,3
Trung học phổ thông	42	31,2
Tổng cộng	135	100,0

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Bên cạnh đó, tác giả cũng quan tâm về vấn đề nghề nghiệp của chủ hộ. Nghề nghiệp của chủ hộ tham gia chơi hội khá phong phú và đa dạng, trong đó sản xuất nông nghiệp (39 hộ, chiếm tỷ trọng 28,9%); đầu tư, kinh doanh, buôn bán nhỏ (35 hộ, chiếm tỷ trọng 25,9%); công nhân (26 hộ, chiếm tỷ trọng 19,3%); công chức, viên chức Nhà nước (12 hộ, chiếm tỷ trọng 8,9%). Ngoài ra một số ít cá nhân còn tham gia một số ngành nghề khác (23 hộ, chiếm tỷ trọng 17%). Qua thực tế phỏng vấn thì những cá nhân có thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp thì thường tham gia hội tháng vì thu nhập không ổn định, còn những cá nhân có thu nhập chính từ hoạt động phi nông nghiệp thì lại tham gia hội ngày hoặc hội tuần vì thu nhập hằng ngày của họ tuy thấp nhưng ổn định.



**Hình 3. Biểu đồ hình tròn về ngành nghề của chủ hộ**

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Khi đề cập đến việc tham gia chơi hội thì mọi người thường quan tâm đến thu nhập cá nhân của chủ hộ vì chủ hộ có thu nhập mới có khả năng tham gia hội và tạo nên uy tín cho người tham gia hội trong cùng một dây hội. Kết quả cho thấy thu nhập bình quân/tháng trung bình của chủ hộ là 5.340.000 đồng, thấp nhất là 1.000.000 đồng và cao nhất là 35.000.000 đồng. Nhìn chung, mức thu nhập của chủ hộ đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của hộ và có tiết kiệm.

**Bảng 4: Tổng thu nhập của chủ hộ được khảo sát**

Chỉ tiêu	Số quan sát	Đơn vị tính: triệu đồng		
		Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất
Thu nhập bình quân/tháng	135	1,0	5,34	35,0

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Qua cuộc điều tra thì việc tham gia giao dịch hội không phải là để huy động vốn mà là một hình thức tiết kiệm vì vậy đến 69 cá nhân tham gia hội cho rằng việc tham gia hội có lãi suất hấp dẫn (chiếm 51,1%) và 51 cá nhân cho rằng việc tham gia nhanh chóng, thuận tiện (chiếm 37,8%). Bên cạnh đó, chỉ có 14 cá nhân cho rằng việc tham gia hội chủ yếu là huy động vốn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và tiết kiệm không cần phải thế chấp tài sản chiếm 10,4%. Bên cạnh những bất cập, rủi ro của việc tham gia hội thì các cá nhân vẫn tham gia bởi vì tính hấp dẫn, thuận tiện của việc tham gia hội. Chi tiết về lý do quan trọng nhất khi tham gia hội được trình bày ở Bảng 5.

**Bảng 5: Lý do quan tâm nhất khi tham gia hội**

Lý do tham gia hội	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Lãi suất hấp dẫn	69	51,1
Nhanh chóng	23	17,0
Thuận tiện	28	20,8
Không cần thế chấp tài sản	10	7,4
Các nguồn vốn khác không đáp ứng được nhu cầu	01	0,7
Tiết kiệm	04	3,0
<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Mặt khác, về mối quan hệ của những thành viên tham gia trong cùng một dây hội cũng được tác giả đưa vào nội dung khảo sát. Kết quả cho thấy, có 89

cá nhân cho rằng những người tham gia trong một dây hụi đều là hàng xóm (chiếm 65,9%) và 35 cá nhân cho rằng trong một dây hụi thì có người thân trong gia đình tham gia cùng (chiếm 25,9%). Ngoài ra, còn có 11 cá nhân tham gia giao dịch hụi vì hàng xóm tham gia sau đó mời họ tham gia cùng, bà con có người là chủ hụi (8,2%).

**Bảng 6: Quan hệ của chủ hộ với những người tham gia hụi**

Quan hệ với người tham gia	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Người thân trong gia đình	35	25,9
Hàng xóm	89	65,9
Trường hợp khác	11	8,2
<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Thông thường những người tham gia giao dịch hụi thường lựa chọn các đối tượng có uy tín, có tài sản, tiếng tăm để tham gia cùng nhằm tránh những trường hợp lừa đảo, chiếm đoạt tài sản nhằm hạn chế việc tranh chấp nợ hụi. Vì vậy, có 105 cá nhân cho rằng việc yếu tố quan trọng nhất khi lựa chọn người chơi cùng trong một dây hụi là uy tín (chiếm 77,8%) và người chơi có tài sản là chiếm 13,3% tương đương với 18 cá nhân. Chi tiết về yếu tố quan trọng nhất khi lựa chọn người chơi được trình bày tại Bảng 7.

**Bảng 7: Yếu tố quan trọng nhất khi chọn lựa người chơi hụi**

Lựa chọn người chơi	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Uy tín	105	77,8
Có tài sản	18	13,3
Tiếng tăm	12	8,9
<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Với số liệu có được từ cuộc khảo sát, cá nhân tham gia giao dịch hụi với mục đích chủ yếu là phục vụ sản xuất nông nghiệp (37,9%) và chủ hộ cũng thường sử dụng số tiền huy động từ hụi để đóng học phí cho con, em trong gia đình (17,1%), mua sắm đồ dùng gia đình (13,3%) hoặc cá nhân dùng số tiền huy động từ hụi nhằm để đầu tư, mua bán nhỏ chiếm 13,3%. Ngoài ra, mục đích huy động vốn từ hụi của chủ hộ còn là xây mới hay sửa nhà cửa (13,3%), trả các khoản vay khác hoặc gây quỹ tiền tiết kiệm cho hộ (2,2%) và chi cho y tế (0,7%). Chi tiết mục đích sử dụng vốn huy động từ hụi được trình bày tại Bảng 8.

**Bảng 8: Mục đích sử dụng vốn huy động từ hụi của việc tham gia hụi**

Mục đích sử dụng vốn	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Sản xuất	51	37,9
Đóng học phí cho con, em	23	17,1
Xây mới hay sửa nhà	18	13,3
Đầu tư, mua bán nhỏ	18	13,3
Mua sắm đồ dùng trong nhà	18	13,3
Chi y tế	01	0,7
Trả các khoản vay khác	03	2,2
Trường hợp khác	03	2,2
<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: Số liệu khảo sát, 2016

Qua thực tế khảo sát tại địa bàn, tác giả nhận thấy rằng có nhiều cá nhân chọn nhiều hình thức khác nhau để tham gia hụi bởi vì khả năng tài chính của mỗi cá nhân khác nhau. Chẳng hạn như có đến 97 cá nhân lựa chọn việc tham gia hụi tháng chiếm 71,9% và có 18 cá nhân chọn tham gia hụi tuần (13,3%) hoặc một số cá nhân còn lại chọn tham gia hụi ngày chiếm 8,1% bởi vì chủ hộ kinh doanh, buôn bán nhỏ có đầu vào tiền ổn định. Mặt khác, một số cá nhân

lại chọn hình thức tham gia hội mùa chiếm 5,9% và chỉ có 01 cá nhân được khảo sát trên địa bàn thì chọn hình thức hội 10 ngày chỉ chiếm tỷ lệ 0,7% và có đến 134 cá nhân chọn hình thức góp hội bằng tiền mặt chiếm 99,3%. Số tiền cá nhân đóng mỗi kỳ giao động từ 100.000 đồng đến 10.000.000 đồng/kỳ. Đối với số tiền trung bình mà cá nhân phải đóng mỗi kỳ trên các dây hội là tương đối lớn, trung bình mỗi người phải đóng là 1.574.000 đồng và thấp nhất là 100.000 đồng; cao nhất là 10.000.000 đồng. Số tiền tham gia hội phổ biến nhất là 1.000.000 đồng/1 phần, số tiền này có thể không đáng kể đối với người có thu nhập cao nhưng lại khá lớn đối với những người dân sống ở nông thôn, có thu nhập thấp. Trong đó, có một số cá nhân đây là lần đầu tiên tham gia và cũng có cá nhân đã tham gia nhiều lần. Trong một dây hội tham gia thì ít nhất là mười người và cao nhất là năm mươi lăm người. Và thủ tục tham gia hội là rất đơn giản khi tham gia hội, chỉ có 35 cá nhân có ký cam kết hợp đồng dạng giấy tay giao dịch hội chiếm 25,9% vì cho rằng cần đảm bảo an toàn hay có cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi nếu xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, hợp đồng dạng này không thực sự có giá trị pháp lý mà chỉ đơn thuần là tạo sự an tâm cho người tham gia hội. Ngược lại, có đến 100 cá nhân thì không có ký cam kết hợp đồng giao dịch hội chiếm 74,1% bởi cho rằng không cần thiết hay quá phức tạp và có khá đông người không làm hợp đồng khi tham gia hội do họ thường tham gia hội với hàng xóm, người thân, người cùng nghề. Khi tham gia hội thì có 67 cá nhân cho biết rằng bản thân biết được thông tin tham gia hội từ người thân trong gia đình (chiếm 49,6%) và 49 cá nhân cho biết rằng thông tin tham gia hội từ hàng xóm (chiếm 36,3%) và chỉ có 02 trường hợp là chủ hội đến nhà mời để tham gia cùng dây hội (chiếm 1,5%). Cuối cùng, có 17 cá nhân biết thông tin tham gia từ bạn bè của họ (chiếm 12,6%).

#### **\* Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

Qua thực tiễn giải quyết các vụ án tranh chấp nợ hội trên địa bàn tỉnh, từ đó tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến vụ án tranh chấp này nhằm kiến nghị hướng giải quyết tranh chấp về nợ hội trong thời gian tới. Sau quá trình nghiên cứu và tìm hiểu các vụ án tranh chấp hội và khảo sát thực tế các cá nhân từng có tranh chấp hội, tác giả rút ra được một số nguyên nhân dẫn đến tranh chấp sau:

Thứ nhất, do người dân chưa biết các quy định của pháp luật về hội. Thực tế cho thấy nhiều người chơi hội phải đối mặt với rủi ro rất cao nhưng



họ chưa hề biết Nhà nước đã có quy định vấn đề về hội. Khi có tranh chấp phát sinh mà bị xâm phạm về quyền lợi thì các những người tham gia hội đến Tòa án khởi kiện hoặc đến các cơ quan công an gửi đơn tố cáo yêu cầu giải quyết nhưng họ không đưa ra được chứng cứ để giải quyết thậm chí một số người cứ xem đó là một xui rủi trong cuộc sống mà không tìm đến cơ quan thực thi pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình. Qua đó, chúng ta thấy được sự hiểu biết, ý thức về pháp luật của người dân còn rất hạn chế nên đã để quyền và lợi ích hợp pháp của mình xâm phạm một cách đáng tiếc. Bởi vì việc chơi hội giữa những người dân tại địa phương không được tổ chức và thực hiện phù hợp với quy định tại ND 144, ngày 27/11/2006 của Chính phủ hướng dẫn về hội, họ, biểu, phường như: không lập sổ hội; không tổ chức họp, không tổ chức hót hội với đầy đủ các thành viên dẫn đến các thành viên chơi hội không biết nhau, chỉ biết chủ hội; việc đóng hội, hót hội các thành viên đều chỉ thông qua chủ hội....vì vậy việc giải quyết tranh chấp hội, họ tại địa phương là rất khó khăn.

Thứ hai, các bên chơi hội ít khi có yêu cầu đem văn bản giao dịch hội ra cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực. Bởi lẽ các thành viên thường tin tưởng vào chủ hội và việc làm này tốn kém và mất nhiều thời gian nên các việc công chứng, chứng thực các văn bản giao dịch rất ít xảy ra. Nếu các bên ý thức được việc làm trên thì sẽ hạn chế được tranh chấp xảy ra và quyền lợi giữa chủ hội và thành viên sẽ được đảm bảo, an toàn hơn. Đồng thời khi có tranh chấp cũng giúp các cơ quan thực thi pháp luật giải quyết án hội thuận lợi, hiệu quả hơn.

Thứ ba, các bên chơi hội ít khi thảo luận để thống nhất đầy đủ các nội dung khi tham gia giao dịch hội. Thực tế, khi tham gia hội các bên ít khi thảo luận để thống nhất đầy đủ các nội dung như: chủ hội, số người tham gia, phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp hội và lĩnh hội, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hội, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ, việc chuyển giao phần hội, việc ra khỏi hội, chấm dứt hội và các nội dung khác... và thường thì chỉ thỏa thuận về chủ hội, số người tham gia, phần hội, kỳ mở hội, thể thức góp và lĩnh hội. Rất ít khi các thành viên thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của người tham gia, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ. Từ đó, khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp khó xác định được quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên khi có tranh chấp.

Thứ tư, chủ hội lập và giữ sổ hội nếu khi có tranh chấp xảy ra mà không có lợi cho chủ hội thì chủ hội sẽ không giao nộp hoặc thậm chí có thể tiêu hủy sổ hội. Vì vậy, nếu có tranh chấp xảy ra mà không có lợi cho chủ hội thì chủ hội có thể tiêu hủy sổ hội, điều này sẽ rất khó có căn cứ xác định quyền lợi của những người tham gia. Theo tác giả đây là một nguyên nhân dẫn đến tranh chấp và là điểm sơ hở, hạn chế của văn bản dưới luật cần sửa đổi, bổ sung các quy định về hội trong thời gian tới.

Thứ năm, hội viên bỏ lãi suất cao để được hốt hội nhưng khi lĩnh hội xong thì không thực hiện nghĩa vụ đóng hội chết. Chẳng hạn như bản án số 36/2015/DS-ST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết về tranh chấp hội đồng góp hội thì bà Trần Thị Tiên tham gia dây hội 1.000.000 đồng/1 phần, dây hội gồm 12 thành viên do bà Nguyễn Thị Năm. Đến kỳ khai hội thứ 03, bà Tiên bỏ thăm 500.000 đồng và hốt được 6.200.000 đồng. Nhưng sau đó, bà Tiên không đóng hội chết lại cho bà Năm để giao cho các thành viên khác nên bà Năm đã đóng thay cho bà Tiên đến khi mãn hội bằng 9.000.000 đồng. Nhưng khi Tòa án thụ lý và giải quyết xét thấy việc bỏ lãi quá cao của bà Tiên là trái quy định của pháp luật nên Tòa đã áp dụng tại Điều 476 BLDS 2005 để tính lại lãi suất trong dây hội mà bà Tiên tham gia. Cuối cùng, Tòa án tuyên xử buộc bà Trần Thị Tiên phải trả số tiền 6.000.000 đồng hội chết cho bà Nguyễn Thị Năm. Qua vụ án ta thấy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để tính lại lãi theo đúng mức lãi suất quy định. Quyết định của Tòa án là không sai nhưng lại mâu thuẫn với nguyên tắc tự do ý chí, thỏa thuận và tự định đoạt theo tinh thần chung của BLDS 2005. Bà Năm là người chịu thiệt hại trong trường hợp này trong khi bà không có lỗi, bà đã choàng hội cho bà Tiên với số tiền 9.000.000 đồng. Ngược lại, Bà Tiên đặt lãi suất cao thì lại có lợi khi phát sinh tranh chấp, bà Tiên chỉ trả lại cho Bà Năm với số tiền 6.000.000 đồng. Vấn đề về lãi suất là vấn đề tranh cãi trong việc giải quyết tranh chấp hiện nay.

### **2.3. THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỢ HỘI**

Khi có tranh chấp nợ hội xảy ra thì Tòa án nhân dân là cơ quan thụ lý và giải quyết tranh chấp hội. Về giai đoạn khởi kiện, người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Bên cạnh đó, người khởi kiện phải bổ sung đầy đủ và hợp lệ các giấy tờ minh chứng. Tòa án tiến hành tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện thì Chánh án Tòa án sẽ phân công

cho Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện.<sup>8</sup> Sau khi nhận được sự phân công từ Chánh án, trong thời hạn 05 ngày thì Thẩm phán có nhiệm vụ xem xét đơn khởi kiện và đưa ra quyết định để thụ lý vụ án nếu đơn khởi kiện đầy đủ các yêu cầu và hợp lệ. Ngược lại, thì Thẩm phán yêu cầu người khởi kiện phải sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nếu xét thấy đơn khởi kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện hoặc chuyển đơn khởi kiện đến các Tòa án có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khởi kiện biết Tòa án khác là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án.<sup>9</sup>

Về giai đoạn thụ lý vụ án, sau khi tiếp nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo thì Thẩm phán phải dự tính số tiền tạm ứng án phí cho người khởi kiện biết để nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp. Trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Thẩm phán phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện theo quy định của pháp luật.<sup>10</sup> Tiếp theo đó, Tòa tiến hành thụ lý và lập hồ sơ vụ án yêu cầu các đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ để tiến hành xác minh hồ sơ vụ án và thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có).<sup>11</sup>

Về giai đoạn hòa giải và chuẩn bị xét xử, thì Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định của BLTTDS 2015. Thông thường thì kết quả giải quyết các vụ án thì gồm các kết quả sau: đình chỉ, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, xét xử, tạm đình chỉ vụ án. Tùy vào trường hợp cụ thể sẽ có tình tiết, tính chất khác nhau thì Tòa án sẽ có hình thức giải quyết khác nhau. Trên đây là trình tự thủ tục giải quyết vụ án nợ hui khi có tranh chấp xảy ra và giải quyết theo trình tự thủ tục quy định tại BLTTDS 2015.

Qua thực tiễn giải quyết tranh chấp về nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh gồm các dạng phát sinh tranh chấp: tranh chấp giữa chủ hui với thành viên;

---

<sup>8</sup> Căn cứ tại khoản 2 điều 191 BLTTDS 2015.

<sup>9</sup> Căn cứ tại khoản 3 điều 191 BLTTDS 2015.

<sup>10</sup> Căn cứ tại Điều 195 BLTTDS 2015

<sup>11</sup> Căn cứ tại Điều 196 BLTTDS 2015

tranh chấp giữa thành viên với chủ hội trong dây hội; tranh chấp giữa các thành viên trong dây hội.

Tranh chấp giữa chủ hội (nguyên đơn) với thành viên (bị đơn): Tranh chấp này do thành viên sau khi đã hốt hội xong thì không đóng tiền hội chết hoặc không đóng đầy đủ tiền cho chủ hội và bị chủ hội đòi tiền thành viên này.

Tranh chấp giữa thành viên (nguyên đơn) với chủ hội (bị đơn): Tranh chấp do chủ hội không giao tiền hoặc giao không đầy đủ cho thành viên khi đến lượt hốt hội.

Bên cạnh đó là tranh chấp giữa những thành viên trong một dây hội với nhau phát sinh từ việc mua bán hội, mượn hội, choàng hội... Về hướng giải quyết vấn đề phát sinh từ hội trong việc mua bán hội, mượn hội, vay hội, choàng hội thì Tòa tiếp nhận và thụ lý đơn khởi kiện theo đúng quy trình giải quyết vụ án dân sự. Đến giai đoạn hòa giải, Tòa tổ chức phiên hòa giải nhằm giúp các bên thỏa thuận về nội dung tranh chấp, nếu hòa giải thành thì Tòa ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngược lại, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vì các bên không thống nhất được nội dung tranh chấp. Đối với những trường hợp này, các bên thống nhất chuyển nợ hội thành nợ vay không lãi hoặc có lãi tùy theo sự thỏa thuận giữa các bên nhằm giúp Tòa dễ giải quyết hơn.

Hoặc tranh chấp do chủ hội nhận được nhiều phần hội do các thành viên góp khi đến kỳ hốt hội sau đó chủ hội tuyên bố vỡ hội, không trả hoặc bỏ trốn. Khi xảy ra các tranh chấp này, nhiều người thường tố cáo chủ hội không giao tiền vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS 1999). Một số cơ quan công an, toà án, viện kiểm sát cũng thường xác định theo hướng những người bỏ trốn hoặc tuyên bố vỡ hội để không trả tiền cho các hội viên khác là vi phạm vào tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nói trên. Nếu bị xác định là phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo BLHS 1999, ngoài giải quyết trách nhiệm dân sự, bị cáo có thể chịu một trong những hình phạt: Cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm theo khoản 1, Điều 140 và cao nhất có thể bị tù chung thân theo khoản 4. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công

việc nhất định từ một năm đến năm năm và bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này theo khoản 5. Tuy vậy trong quá trình giải quyết các vụ án về hối lộ liên quan đến lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thường gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Bởi vì về mặt khách quan cấu thành tội phạm này thì người phạm tội có các hành vi mô tả tại điểm a và b khoản 1 Điều 140 BLHS 1999 về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Nhìn chung, đó là hành vi “bội tín” bởi được người khác tin tưởng, giao cho tài sản nên nhân cơ hội đó chiếm đoạt tài sản được giao. Cụ thể như sau<sup>12</sup>:

+ Nhận được tài sản bằng các hình thức hợp pháp nhưng sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đó.

+ Hoặc nhận được tài sản bằng các hình thức hợp pháp nhưng sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó. Trong trường hợp này, chúng ta cần hết sức chú ý xem xét một cách toàn diện để xác định có phải người có hành vi bỏ trốn để nhằm chiếm đoạt tài sản hay không. Nếu việc bỏ trốn vì một lý do khác (sợ bị xiết nợ, bắt, gây thương tích, ...) thì việc bỏ trốn không cấu thành tội này.

+ Hay nhận được tài sản bằng các hình thức hợp pháp nhưng sau đó dùng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến mất khả năng hoàn trả. Sử dụng tài sản bất hợp pháp ở đây thường là sử dụng vào việc phạm tội, như: để hối lộ, mua bán hàng cấm, buôn lậu, mua bán trái phép ma túy, ... Nếu sử dụng tài sản không vào mục đích phạm tội mà chỉ bất hợp pháp thì phải xem xét từng trường hợp cụ thể. Cần lưu ý sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp không đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản không đúng cam kết, bởi vì có trường hợp người nhận được tài sản đã sử dụng tài sản không đúng cam kết nhưng không phải dùng vào mục đích bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, khi người phạm tội chiếm đoạt tài sản thuộc một trong những trường hợp sau đây thì mới cấu thành tội phạm theo điều 140 BLHS 1999:

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ bốn triệu đồng trở lên.

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới bốn triệu đồng thì phải gây ra hậu quả nghiêm trọng.

---

<sup>12</sup> Phạm, Văn Beo. 2012. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Quyển 2 (Phần các tội phạm). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 230 - 234.

+ Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt mà còn vi phạm.

+ Đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà vẫn còn vi phạm.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tranh chấp về nợ hụi có yếu tố hình sự, các yếu tố cấu thành tội danh này đối với chủ hụi thường rất yếu. Một phần do chủ hụi và các hụi viên thỏa thuận bằng miệng, khi xảy ra vỡ hụi lại không có giấy tờ, biên lai chứng minh. Chưa kể, khi vỡ hụi, chủ hụi luôn hứa hẹn sẽ hoàn trả cho con nợ và không thể hiện ý định bỏ trốn. Vì thế, cơ quan pháp luật không đủ cơ sở để xử lý hình sự mà chỉ xem đó là giao dịch dân sự.

Một trong các dạng tranh chấp nợ hụi là do chủ hụi tự ghi khống tên nhiều thành viên trong dây hụi, đến kỳ hốt hụi thì chủ hụi thông báo với các thành viên có thật là tiền hụi đã được các thành viên chủ hụi bịa đặt ra hốt. Với tư cách này chủ hụi thu tiền đóng hụi từ các thành viên có thật tiêu xài đến khi hết những thành viên do mình bịa đặt ra thì tuyên bố vỡ hụi, không trả. Tranh chấp này có yếu tố hình sự khi được chuyển sang toà án thì cơ quan điều tra khởi tố về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 BLHS 1999. Theo điều luật này, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được cấu thành bởi thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản người khác, bị cáo sẽ chịu các hình phạt sau: cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm theo khoản 1 điều 139 BLHS 1999; cao nhất là hình phạt tù chung thân theo khoản 4. Ngoài ra bị cáo có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm căn cứ theo khoản 5 điều 139 BLHS 1999.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết tranh chấp thì gặp không ít khó khăn để tìm chứng cứ nhằm chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì về mặt khách quan để cấu thành tội phạm thì người phạm tội dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Thủ đoạn gian dối là mọi biện pháp thể hiện sai nội dung sự thật, khiến cho nhiều người quản lý về tài sản tin nhầm nên đã giao tài sản cho người phạm tội. Lưu ý thủ đoạn gian dối này phải được thực hiện trước khi người phạm tội nhận được tài sản. Vì vậy nếu thủ đoạn gian dối xuất hiện sau khi người phạm tội nhận được tài sản thì chỉ có thể xác định đó là tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hoặc che giấu tội phạm. Bên cạnh đó, hai đặc trưng cơ bản của tội lừa đảo chiếm

đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt và hành vi lừa dối<sup>13</sup>. Có những trường hợp, người phạm tội dù có hành vi lừa dối chủ sở hữu tài sản nhưng thủ đoạn gian dối đó chưa thể giúp người phạm tội chiếm đoạt được tài sản thì chưa thể xác định đó là tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các chủ hội có toan tính hết sức tinh vi nên khi thu tiền hội chủ hội chỉ đánh dấu vào sổ mà không có chữ ký, điểm chỉ của người nộp, cũng không có biên lai của chủ hội và thường dùng mọi cách khuếch trương cơ sở kinh doanh, thời gian đầu chủ hội thường trả tiền sòng phẳng để lấy lòng tin của các hội viên. Chính vì vậy hội viên giao tài sản cho chủ hội mà không có biên nhận. Sau khi chủ hội tuyên bố vỡ hội thì nạn nhân mới tìm đến cơ quan điều tra nhờ can thiệp. Do vậy khi khởi tố ra Tòa án, chứng cứ buộc chủ hội tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thường không đủ sức thuyết phục.

Thông qua một số thông tin của các cá nhân đã từng có tranh chấp nợ hội được khảo sát tháng 7/2016 và thông tin trong quá trình khởi tố và giải quyết tại Viện kiểm sát, Tòa án. Tác giả rút ra một số thủ đoạn của những chủ hội lừa đảo chiếm đoạt tài sản các hội viên như sau:

- Chủ hội dùng mọi cách để khếch trương tiếng tăm để người khác tin tưởng vào tiềm lực kinh tế cũng như là uy tín của mình và lôi kéo người tham gia hội. Trong thời gian đầu các chủ hội thường để các thành viên góp và lĩnh hội đúng kỳ hạn để tạo uy tín.

- Trong quá trình chơi hội, thành viên nộp hội mà không có giấy chứng nhận hay biên lai của chủ hội, thay vào đó chủ hội chỉ đánh dấu vào sổ hội với những lời hứa đảm bảo ngon ngọt về lãi suất và những khoản lợi hấp dẫn sẽ đạt được.

- Chủ hội lập những dây “hội ma” tự dựng lên những người chơi có uy tín, có địa vị xã hội, có nhiều tài sản nhằm tạo lòng tin để người dân tham gia cùng.

- Các chủ hội thường lập ra các thành viên không có thật để hốt hội, khi có thành viên khác muốn hốt hội thì chủ hội thông báo đã có thành viên khác bỏ lãi cao hơn và hốt trước. Khi sự việc tranh chấp xảy ra, thường không có chứng cứ để buộc tội các chủ hội, việc giải quyết hậu quả dân sự cũng rất khó

---

<sup>13</sup> Phạm, Văn Beo, sđd, 227 - 230

khẩn vì chủ hội đã tẩu tán tài sản trước đó hoặc bỏ trốn. Đây là điều cần hết sức lưu ý đối với những người tham gia hội để tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra.

Dưới đây, một số bản án tranh chấp về nợ hội mà cơ quan Tòa án trên địa bàn tỉnh đã giải quyết và có hiệu lực pháp luật.

**Vụ án thứ nhất:** Bản án số 21/2014/DS-ST ngày 24/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần giữa nguyên đơn: Anh Trần Văn Tuấn và chị Dương Thị Biên khởi kiện bị đơn: chị Nguyễn Thị Thiên Hương và anh Lâm Quang Trung. Anh Tuấn và chị Biên có tham gia 8 dây hội do chị Hương là đầu thảo. Tổng số tiền anh Tuấn và chị Biên góp cho chị Hương trong 8 dây hội là 71.457.000 đồng sau khi chị Hương tuyên bố vỡ hội. Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng Điều 25, 33, 35, 79, 131, 245 BLTTDS 2004; Điều 305, 479 BLDS 2005; Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 144 và Pháp lệnh số:10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án tuyên xử: Buộc chị Hương và anh Trung trả số tiền 71.457.000 đồng cho anh Tuấn và chị Biên và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.572.850 đồng và hoàn trả cho anh Trần Văn Tuấn và chị Dương Thị Biên tiền tạm ứng án phí là 1.787.000 đồng.

**Vụ án thứ hai:** Bản án số 15/2016/DS-ST ngày 04/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giữa nguyên đơn: Thái Hồng Vân khởi kiện bị đơn: Nguyễn Thanh Hiền. Trong 7/7/2014 đến 22/6/2015, bà Vân có tham gia dây hội do bà Hiền làm chủ hội. Đến ngày 23/6/2015 hội mãn và bà Vân hốt được số tiền 11.250.000 đồng nhưng bà Hiền không giao tiền cho bà. Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh áp dụng Điều 25, khoản 1 Điều 33, 79, 80, 81, 131, 199, 202 BLTTDS 2004 được sửa đổi, bổ sung 2011 (BLTTDS 2004); Điều 476, 479 và khoản 2 Điều 305 BLDS 2005; Nghị định 144 và Pháp lệnh số:10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án tuyên xử: Buộc bà Hiền trả cho bà Thái Hồng Vân số tiền là 11.953.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 597.650 đồng và hoàn trả cho bà Vân tiền tạm ứng án phí là 290.000 đồng.

**Vụ án thứ ba:** Bản án số 37/2016/DS-ST ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần giữa nguyên đơn: Bà Hồ Thị Ngọc Xương khởi kiện bị đơn: Bà Sơn Thị Ngọc Thái. Vào ngày 30/8/2010 âm lịch, bà Xương có tham gia 02 dây hội do bà Sơn Thị Ngọc Thái và ông Lâm Thanh Bình làm đầu thảo. Cả hai dây hội trên bà Xương đều đóng được 16 lần. Tại phiên tòa



09/6/2016, bà Xương có thay đổi yêu cầu bà Thái và ông Bình trả lại 15 lần hội sống mà bà đã đóng của hai dây hội, mỗi dây là 15.000.000 đồng x 2 dây bằng 30.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần áp dụng Điều 25, 33, 35, 79, 131, khoản 2 Điều 202, khoản 1 Điều 245 BLTTDS 2004; Điều 479 BLDS 2005; Nghị định 144 và Pháp lệnh số:10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án tuyên xử: Buộc ông Bình và bà Thái phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà Xương số tiền hội còn nợ là 30.000.000 đồng và phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả cho chị Xương tiền tạm ứng án phí là 775.000 đồng.

**Vụ án thứ tư:** Bản án số 01/2017/DS-ST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giữa nguyên đơn: Sơn Thị Rêne khởi kiện bị đơn: Thạch Thị Ký. Trong 10/9/2013, bà Ký có tham gia dây hội do bà Rêne làm chủ hội. Bà Ký hốt đầu tiên được số tiền 16.300.000 đồng nhưng sau khi bà Ký hốt được phần hội bà chỉ đóng hội chết được 8 phần còn nợ lại bà Rêne 10.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, 147, 244 BLTTDS 2015; Điều 471 BLDS 2015; Nghị định 144 và Pháp lệnh số:10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án tuyên xử: Buộc bà Ký trả cho bà Rêne số tiền là 10.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng và hoàn trả cho bà Vân tiền tạm ứng án phí là 312.500 đồng.

**Vụ án thứ năm:** Bản án số 49/2016/DS-PT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giữa nguyên đơn: Nguyễn Thị Năm khởi kiện bị đơn: Lê Văn Thám và Trần Thị Tiên. Bà Tiên kháng cáo bản án sơ thẩm số 35/2015/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Càng Long. Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh áp dụng khoản 1 Điều 203 BLTTDS 2004. Tòa án tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tiên. Buộc bà Tiên trả cho bà Năm số tiền là 6.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và nộp 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

### **2.3.1. Quy định pháp luật đang được viện dẫn và áp dụng để giải quyết các tranh chấp nợ hội**

Nếu có tranh chấp nợ hội xảy ra trong trường hợp chủ hội đã thu các phần hội của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh hội thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hội, chủ hội phải giao các phần hội đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có. Chủ hội

phải trả lãi đối với các phần hạn giao chậm theo mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần hạn. Tòa án giải quyết dựa vào Điều 29 NĐ144. Ngược lại, trường hợp thành viên không góp phần hạn khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần hạn còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc hạn và bồi thường thiệt hại nếu có. Trong trường hợp thành viên không góp phần hạn, chủ hạn đã góp các phần hạn thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ hạn các phần hạn chậm trả và khoản lãi đối với các phần hạn chậm trả. Mức lãi do các bên thoả thuận, nếu không có thoả thuận hoặc không thoả thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả các phần hạn căn cứ giải quyết tại Điều 30 NĐ144. Các tranh chấp về hạn xảy ra hoặc phát sinh từ hạn thì tranh chấp đó được giải quyết bằng thương lượng, hoà giải. Nếu tranh chấp mà các bên tham gia hạn không tự thoả thuận được thì yêu cầu của một hoặc nhiều người tham gia hạn trong tranh chấp đó được giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Để tìm hiểu chi tiết, cụ thể hơn về giải quyết tranh chấp nợ hạn của Tòa án thì tác giả sẽ phân tích tại Chương 2 về thực trạng giải quyết tranh chấp tranh chấp nợ hạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Qua các vụ án đã được giải quyết tại các Tòa án trong và ngoài tỉnh, tác giả dẫn chứng sáu bản án để xem cách áp dụng pháp luật tại Tòa án về hướng giải quyết tranh chấp nợ hạn. Bên cạnh đó, tác giả còn nghiên cứu nhiều bản án trong và ngoài tỉnh khác về cách giải quyết nợ hạn dựa theo quy định của pháp luật. Từ đó dựa cơ sở, tác giả rút ra được những nét tương đồng và sự khác biệt trong cách giải quyết tranh chấp nợ hạn trên địa bàn tỉnh. Nếu theo đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án tranh chấp nợ hạn đến giai đoạn xét xử thì Tòa án áp dụng các cơ sở pháp lý sau:

Điều 298, 305, 476, 479 BLDS 2005;

Điều 25, 33, 35, 79, 80, 81, 131, 160, 199, 200, 202, 245 BLTTDS 2004;

Điều 15, 17, 20, 21, 23, 26, 27, 28, 30, 31 NĐ144;

Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình 2000;

Điều 27 Pháp lệnh số:10/2009/PL-UBTVQH12.

Khi giải quyết vụ án tranh chấp nợ hụi thì Tòa sẽ xem xét tranh chấp nợ hụi này có thuộc thẩm quyền của Tòa án hay không căn cứ tại Điều 25 BLTTDS 2004 về những tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án. Nếu xét thấy tranh chấp nợ hụi thuộc thẩm quyền thì Tòa tiếp tục căn cứ tại Điều 33 BLTTDS 2004 để giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm. Sau khi Tòa đã chấp nhận thụ lý vụ án để giải quyết thì đương sự phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp căn cứ tại Điều 79 BLTTDS 2004. Trừ trường hợp những tình tiết, sự kiện trong vụ án mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận; xác định trong các bản án, quyết định của Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp. Hay là, một bên đương sự thừa nhận và không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia trình bày. Nếu có một trong các trường hợp trên thì những tình tiết đó không cần phải chứng minh căn cứ tại Điều 80, 81 BLTTDS 2004.

Tại phiên tòa, nếu nguyên đơn hoặc bị đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng thì phải hoãn phiên tòa. Nhưng đến lần thứ hai, nguyên đơn vẫn vắng mặt thì coi là từ bỏ việc khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Còn bị đơn vắng mặt lần thứ hai thì Tòa tiến hành xét xử vắng mặt căn cứ theo Điều 199, 200, 202 BLTTDS 2004. Mặt khác, những trường hợp yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu cả vợ hoặc chồng bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền đối với nguyên đơn. Nếu xét thấy có đủ căn cứ thì Tòa sẽ chấp nhận yêu cầu khi bị đơn đã từng xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân và theo thời điểm tranh chấp vụ án mà họ vẫn còn chung sống với nhau như vợ chồng thì việc chơi hụi của bị đơn hoàn toàn hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân. Bên cạnh đó, số tiền mà bị đơn sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình thì Tòa án có căn cứ để xác định trách nhiệm liên đới để trả số tài sản tranh chấp của nguyên đơn đối với bị đơn căn cứ tại Điều 298 BLDS 2005 và Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình 2000. Trong trường hợp xét xử có mặt cả nguyên đơn và bị đơn thì Tòa án báo cho nguyên và bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 245 BLTTDS 2004.

Vào ngày 24/11 và 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã chính thức thông qua Bộ luật Dân sự với 86,84% số đại biểu tán thành và thông qua Bộ luật tố tụng dân sự với 88,66% số đại biểu tán thành. Bộ luật dân sự 2015 gồm 27 chương, 689 điều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Và Bộ luật tố tụng dân sự 2015 gồm 42 chương, 517 điều, trong đó bổ sung mới 102 điều, sửa đổi, bổ sung 292 điều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Tuy BLDS 2015 mới ra đời nhưng một số điều được quy định tại luật mới thì không có sự thay đổi về nội dung chỉ thay đổi về thứ tự của các điều. Chẳng hạn tại Điều 298 BLDS 2005 thì chỉ thay đổi về thứ tự mà không thay đổi về nội dung, tương đương với điều 288 BLDS 2015. Còn quy định tại Điều 479 BLDS 2005 được sửa đổi thành Điều 471 BLDS 2015 và có bổ sung thêm là việc tổ chức hội có lãi thì lãi suất phải tuân theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015. Bên cạnh đó, tại Điều 476 BLDS 2005 có quy định về lãi suất không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố nhưng BLDS 2015 lại có quy định mới về lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tại Điều 305 BLDS 2005 quy định trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự thì tại BLDS 2015 được quy định tại Điều 357. Các quy định tại Điều 25, 33, 79, 80, 81, 131, 199, 202, 245 BLTTDS 2004 thì được sửa đổi bổ sung và được quy định tương đương tại Điều 26, 35, 91, 92, 93, 147, 227, 228, 273 BLTTDS 2015. Và tại Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình 2000 được sửa đổi quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp nợ hội, Tòa án đã triệu tập để tiến hành hòa giải, tuy nhiên việc hòa giải thường khó thành. Chủ hội bị vỡ hội mất khả năng thanh toán thì xin được kiểm tiền trả dần, trả từ từ hoặc trả khi có khả năng, trong khi hội viên lại đòi phải trả ngay. Một số đồng ý không đòi tiền lãi nhưng không chấp nhận trả dần. Tòa án khi xét xử buộc phải tuyên xử chủ hội phải trả tiền nợ hội cho hội viên theo quy định của pháp luật. Sau đó quá trình thi hành án nhiều người than phiền về việc họ chậm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện yêu cầu thi hành án của họ. Nhưng nếu nhìn về thực tế thì không thể trách được bởi thứ nhất là do cơ quan thi hành án có rất nhiều yêu cầu thi hành án từ các đương sự gửi đến, nhưng lực lượng cán bộ còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng. Nên tình trạng chậm thi hành án là vấn đề

thường xuyên xảy ra và gây nhiều bức xúc cho người dân. Thứ hai là vấn đề từ người phải thi hành án mặc dù Tòa án tuyên buộc phải thực hiện nghĩa vụ nhưng khi có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện nhưng họ không thực hiện đúng. Có người thì không còn tài sản để thi hành án, có người thì không chịu thực hiện. Tòa án đã tuyên buộc bị đơn thua kiện phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả khoản tiền cho nguyên đơn. Nhưng các bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với lý do không còn đủ khả năng để thanh toán. Thông thường các bị đơn lại tiếp tục thỏa thuận với nguyên đơn sẽ thực hiện việc thanh toán khoản tiền trên hàng tháng vì thực tế bị đơn không có khả năng trả một lần. Còn đối với trường hợp lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, thực tế những người đó đã có sự tính toán và chuẩn bị trước. Họ sẽ luôn tìm cách để tẩu tán tài sản nên vì dù Tòa án có tuyên buộc kê biên tài sản để thực hiện nghĩa vụ thì những người này cũng không còn gì để kê biên. Do đó, dù nguyên đơn được xử thắng kiện đi nữa nhưng vấn đề nhận lại khoản tiền của mình là một vấn đề còn gặp nhiều khó khăn.

### 2.3.2. Thực tiễn kết quả giải quyết tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

**Bảng 9: Tình hình giải quyết tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016**

Năm	Thụ lý	Giải quyết	SỐ VỤ VIỆC ĐÃ GIẢI QUYẾT			SỐ VỤ VIỆC CÒN LẠI
			Đình chỉ	Công nhận thỏa thuận	Xét xử	Tạm đình chỉ
2011	301	259	47	204	8	42
2012	603	595	63	527	5	8
2013	439	439	148	284	7	0
2014	330	330	127	182	21	0
2015	354	353	85	256	12	1
2016	363	359	94	248	26	4
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.390</b>	<b>2.335</b>	<b>564</b>	<b>1.701</b>	<b>79</b>	<b>55</b>

Nguồn: Số liệu từ Báo cáo kết quả thụ lý và giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh Trà Vinh, 2016

Thực tiễn kết quả giải quyết tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh từ giai đoạn 2011 đến 2016, nếu giải quyết trong trường hợp đình chỉ vụ án thì đa số là nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn muốn tự thỏa

thuận với bị đơn mà không yêu cầu Toà án tiếp tục giải quyết vụ án quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2004 thì chiếm 24,2% tương đương với 564 vụ đã giải quyết; còn rơi vào trường hợp giải quyết vụ án tranh chấp bằng hình thức đưa ra quyết định tạm đình chỉ thì khi Tòa án xem xét hồ sơ và xét thấy vụ án có liên quan đến yếu tố hình sự thì chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự vì vậy cần đợi kết quả điều tra từ cơ quan điều tra thì mới tiếp tục giải quyết vụ án tranh chấp theo quy định tại khoản 4 Điều 189, 191 BLTTDS 2004 chiếm tỷ lệ 2,4%. Một trường hợp khác, đó là giải quyết vụ án bằng hình thức hòa giải giữa các đương sự theo đúng trình tự thủ tục quy định từ Điều 180 đến Điều 188 BLTTDS 2004 thì hình thức này được giải quyết nhiều nhất trên địa bàn chiếm 1.701 vụ chiếm 72,8% trong tổng số vụ đã giải quyết. Cuối cùng là trường hợp giải quyết vụ án tranh chấp bằng hình thức đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 195 BLTTDS 2004 chiếm tỷ lệ 3,38%.

Về số lượng vụ án tranh chấp về nợ hui tăng cao nhất là năm 2012 là 603 vụ, chiếm tỷ lệ là 100,3% so với năm 2011 là 0,0% (năm 2011 không có so sánh với năm trước đó nên không biến động vì vậy 0,0%). Bởi vì vào thời điểm năm 2012 thì địa bàn huyện Tiểu Cần xảy ra nhiều vỡ hui lớn trong 09 địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên vào năm 2013 thì số lượng án hui được giải quyết giảm 27,2% so với cùng kỳ năm 2012. Và tiếp tục năm 2014 thì số lượng án hui giảm 24,8% so với cùng kỳ năm 2013 tương đương với 330 vụ án được giải quyết. Tuy nhiên trong năm 2015 thì số lượng án hui tranh chấp được giải quyết tại Toà án trên địa bàn tỉnh tăng nhẹ 7,3% so với năm 2014. Và gần nhất là năm 2016 thì số lượng án hui tiếp tục tăng nhẹ 2,6% so với năm 2015. Tình hình tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh từ năm 2011 đến năm 2016 số lượng vụ án có chiều hướng tăng, giảm không đều với tỷ lệ tăng trung bình trong 6 năm là (+11,6%). Sự tăng giảm không đều của tình hình tranh chấp nợ hui trên địa bàn cho chúng ta thấy được sự diễn biến phức tạp cũng như ẩn chứa nhiều nguy cơ gia tăng tranh chấp nhưng tăng không cao trong thời gian tới. Bởi vì nguyên nhân tăng giảm các tranh chấp là do yếu tố ý chí chủ quan của đầu thảo hoặc hui viên tham gia trong dây hui nếu họ tham gia có ý định chiếm đoạt tài sản của thành viên trong dây hui thì việc này sẽ yếu tố quyết định rất lớn dẫn đến việc tranh chấp nợ hui. Cho nên, Nhà nước cần có một chế tài mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi trên.

### **2.3.3. Những tồn tại bất cập trong quá trình giải quyết tranh chấp nợ hụi**

Thứ nhất, Nhà nước cần có các quy định về nguyên tắc chơi hụi, nguyên tắc hoạt động hụi, nguyên tắc giao dịch hụi và vấn đề giải quyết hậu quả của hụi... Bởi vì Nghị định 144 chỉ quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch hụi. Bên cạnh đó, BLDS 2015 thì chỉ có một điều 471 quy định về quan hệ giao dịch hụi. Quy định này chỉ nêu về khái niệm của quan hệ chơi hụi và việc tham gia hụi nhằm mục đích tương thân tương ái trong nhân dân và nghiêm cấm tổ chức chơi hụi với hình thức cho vay nặng lãi. Trong xã hội hiện nay, toàn bộ việc tham gia hụi đều là tự phát nếu có tranh chấp xảy ra liên quan tới tài sản như tiền, vàng, lúa, gạo, tài sản khác... mà các chủ thể có thể mang ra để tham gia chơi hụi thì việc giải quyết của Tòa án chỉ là giải quyết tài sản tranh chấp trong giao dịch hụi chứ không phải giải quyết đầu hụi. Vì nếu giải quyết đầu hụi thì phải triệu tập tất cả các thành viên trong dây hụi đến để giải quyết thì hiện nay Nhà nước chưa quy định nguyên tắc hoạt động hụi trong khuôn khổ của pháp luật và hầu hết việc chơi hụi đều tự phát nên dẫn đến nhiều dây hụi bị vỡ hụi xảy ra.

Thứ hai, những quy định pháp luật về hụi còn có một số bất cập và một số vấn đề phát sinh trong việc chơi hụi hiện nay thì chưa quy định kịp thời chẳng hạn như quy định về chuyển giao quyền hoặc chuyển giao nghĩa vụ trong chơi hụi phát sinh qua các hình thức như vay hụi, mượn hụi, choàng hụi, cản trừ hụi, cho tặng hụi... Tuy nhiên, quy định về hụi thì chỉ quy định một Điều 471, quy định này chưa đáp ứng đủ yêu cầu tình hình hiện nay. Bởi vì, thực tế trong chơi hụi thì các thành viên trong dây hụi còn phát sinh thêm hình thức là cản trừ các phần hụi mà hụi viên tham gia nhưng chưa được hốt hụi. Vì do nguyên nhân khách quan nên hụi viên trên không có đủ số tiền để thanh toán nghĩa vụ đối với người có quyền yêu cầu mà hụi viên đó đã nợ. Vì vậy, hụi viên quyết định cản trừ phần hụi như là việc mua bán nhà hoặc các tài sản có giá trị khác. Tuy nhiên, hình thức giao dịch này thì chưa được pháp luật nước ra quy định cụ thể, pháp luật nước ta chỉ quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia hụi đó là gồm các thành viên và chủ hụi. Nếu tranh chấp xảy ra thì hướng giải quyết của Tòa yêu cầu phải có văn bản thỏa thuận giữa ba bên về việc chuyển giao quyền giữa bên có quyền, bên thế quyền và bên nghĩa vụ thì Tòa mới có căn cứ để giải quyết và ngược lại nếu tranh chấp xảy ra mà các bên không chứng minh được thì Tòa không thể giải

quyết vì vậy không thể bảo vệ quyền lợi ích của các bên khi tranh chấp xảy ra. Hiện nay, hình thức giao dịch về hụi thay đổi rất nhiều, vì thông qua đó có cả hình thức lạm dụng, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản nên cần quy định chế tài chặt chẽ hơn nhằm để đảm bảo đây là giao dịch hợp pháp và đây là hình thức pháp luật cấm. Từ đó, khi có tranh chấp xảy ra thì Tòa án có cơ sở xác định giao dịch nào được pháp luật bảo vệ và ngược lại.

Thứ ba, vấn đề về nghiêm cấm cho vay trong hụi. Thực tế, trong việc chơi hụi người vay lại là người thực hiện việc tự định lãi cho mình nên việc Tòa án định lại mức lãi suất cho các thành viên khi có tranh chấp giải quyết tại Tòa thì lại mang lại lợi ích cho người thực hiện việc bỏ lãi. Bởi trong hụi thành viên thường bỏ lãi cao hơn quy định hiện hành. Khi định lại mức lãi suất thì chủ hụi phải trả thêm tiền cho thành viên đó. Vì vậy việc cho vay nặng lãi trong hụi là hoàn toàn không thể xảy ra nên việc quy định nghiêm cấm cho vay nặng lãi trong hụi là không hợp lý, không phù hợp với thực tiễn trong chơi hụi. Bởi trong hụi chỉ có việc vay nặng lãi chứ không có trường hợp cho vay nặng lãi. Tuy nhiên, nguyên nhân bất cập trên vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung tại Điều 471 BLDS 2015, Nhà nước vẫn quy định tương tự như Điều 476 BLDS 2005. Đây là một nguyên nhân dẫn đến tranh chấp mà một số người đã lợi dụng sơ hở của luật để nhằm mục đích vụ lợi.

Thứ tư, các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng không biết xử lý thế nào đối với những vụ án “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong giai đoạn từ lúc BLHS 2015 được thông qua vào ngày 27/11/2015 đến ngày 30/6/2016 (Nghị quyết 144/2016/QH13 của Quốc Hội có hiệu lực về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13). Bởi vì khi xử lý hành vi phạm tội trên thì BLHS 2015 đã thay đổi điều luật quy định về tội phạm này tại Điều 175 BLHS 2015. Sau khi vỡ hụi chủ hụi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản, cơ quan điều tra phải ra lệnh truy nã mới bắt được người này. Kết thúc điều tra, viện kiểm sát truy tố ra tòa án để xét xử về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Sau khi thụ lý vụ án, tòa án cho rằng căn cứ vào điều 175 BLHS 2015 thì không xử được hành vi “bỏ trốn để chiếm đoạt” vì điều luật đã bỏ dấu hiệu này trong cấu thành tội phạm. Khi Quốc hội có nghị quyết tạm hoãn thi hành BLHS 2015, tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng lại bị kẹt vì nghị quyết 144 của Quốc hội lại quy định về những quy định có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng từ 1/7/2016. Trước đây, theo điều 140 BLHS 1999 quy định về “tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thì người nào vay, mượn, thuê



tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đều bị xem là hành vi phạm tội. Nay điều 175 BLHS 2015 quy định về tội phạm này đã bỏ tình tiết “bỏ trốn để chiếm đoạt”. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố, truy tố hay xét xử những vụ án có tình tiết như trên đã gây ra nhiều khó khăn trong quá trình giải quyết. Vì điều 175 BLHS 2015 bỏ tình tiết “bỏ trốn để chiếm đoạt” là thiếu sót và đề nghị Quốc hội nên phục hồi tình tiết này trong điều 175 BLHS năm 2015. Còn từ nay đến khi BLHS 2015 được đưa ra thi hành thì giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ pháp lý để xử lý các vụ án “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

#### **2.3.4. Dự báo tình hình tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh trà vinh trong thời gian tới**

##### **\* Cơ sở dự báo:**

Dự báo là một khoa học và nghệ thuật tiên đoán những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, trên cơ sở phân tích khoa học về các dữ liệu đã thu thập được. Khi tiến hành dự báo cần căn cứ vào việc thu thập, xử lý số liệu trong quá khứ và hiện tại để xác định xu hướng vận động của các hiện tượng trong tương lai nhờ vào một số mô hình toán học (Định lượng). Tuy nhiên dự báo cũng có thể là một dự đoán chủ quan hoặc trực giác về tương lai (Định tính) và để dự báo định tính được chính xác hơn, người ta cố loại trừ những tính chủ quan của người dự báo. Dự báo được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực có một yêu cầu về dự báo riêng nên phương pháp dự báo được sử dụng cũng khác nhau.<sup>14</sup>

Tình hình tranh chấp dân sự nói chung và tình hình tranh chấp nợ hui nói riêng ở tỉnh Trà Vinh. Có liên quan chặt chẽ với tình hình phát triển kinh tế, xã hội và đặc điểm riêng của địa phương. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị, xã hội trong những năm gần đây đã kéo theo sự thay đổi trong xã hội, trong đó có tranh chấp về giao dịch hui. Để dự báo tình hình tranh chấp nợ hui trong những năm tới cần dựa vào những cơ sở sau đây:

---

<sup>14</sup> Nguyễn, Sỹ Linh. 2010. Tổng quan về phương pháp dự báo và khả năng áp dụng một số mô hình trong dự báo biến động tài nguyên và môi trường tại Việt nam, xem 29/3/2017 < <http://isponre.gov.vn/home/dien-dan/463-tong-quan-ve-phuong-phap-du-bao-va-kha-nang-ap-dung-mot-so-mo-hinh-trong-du-bao-bien-dong-tai-nguyen-va-moi-truong-tai-viet-nam>>

**Bảng 9: Tình hình thụ lý tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016**

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
<b>Số vụ tranh chấp nợ hui</b>	301	603	439	330	354	363

Nguồn: Số liệu từ Báo cáo kết quả thụ lý và giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh Trà Vinh, 2016

- Theo thống kê số vụ tranh chấp nợ hui trên bàn tỉnh trong những năm gần đây có chiều hướng tăng giảm không đều. Cụ thể như sau: năm 2012 thì tỷ lệ các vụ tranh chấp về nợ hui tăng cao nhất (+100,3%) so với năm 2011, đến năm 2014 thì tỷ lệ này giảm (-24,8%) so với năm 2013. Đến 2015 tỷ lệ tranh chấp nợ hui có chiều hướng tăng nhẹ (+7,27%) so với năm 2014, năm 2016 tỷ lệ này vẫn tăng ở mức nhẹ (+2,54%) so với năm 2015. Sự tăng giảm không đều của tình hình tranh chấp nợ hui trên địa bàn cho chúng ta thấy được sự diễn biến phức tạp cũng như ẩn chứa nhiều nguy cơ gia tăng tranh chấp nhưng tăng không cao trong thời gian tới.

Bên cạnh đó tác giả sử dụng mô hình dự đoán dựa vào lượng tăng giảm tuyệt đối trung bình của số vụ án tranh chấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011 đến 2016 nhằm để dự đoán số vụ tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2017, 2018, 2019 và năm 2020 dựa vào công thức sau:

$$\hat{y}_{n+L} = y_n + L \cdot \bar{\Delta}$$

Trong đó:  $\hat{y}_{n+L}$  : Giá trị dự đoán thời điểm n+L

$y_n$  : Giá trị thực tế thời điểm n

$\bar{\Delta}$  : Lượng tăng giảm tuyệt đối trung bình

L : Tầm xa dự đoán

\* **Kết quả dự đoán:** Số vụ tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh tỉnh vào năm 2017, 2018 và năm 2019 như sau:

$$\bar{\Delta} = \frac{\sum_{i=2}^n \Delta_i}{n-1} = \frac{62}{6-1} = 12,4$$

- Dự đoán số vụ án tranh chấp nợ hui năm 2017:

$$\hat{y}_{2017} = y_{2016} + 1 \cdot \bar{\Delta} = 363 + 12,4 = 375 \text{ vụ.}$$

- Dự đoán số vụ án tranh chấp nợ hui năm 2018:

$$\hat{y}_{2018} = y_{2016} + 2 \cdot \bar{\Delta} = 363 + (2 \times 12,4) = 388 \text{ vụ.}$$

- Dự đoán số vụ án tranh chấp nợ hụi năm 2019:

$$\hat{y}_{2019} = y_{2016} + 3 \cdot \bar{\Delta} = 363 + (3 \times 12,4) = 400 \text{ vụ.}$$

Từ những kết quả dự báo trên và căn cứ thực tế thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh từ năm 2011 đến 2016, có thể dự báo tình hình tranh chấp nợ hụi trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

Tình hình tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh từ năm 2011 đến năm 2016 thì số lượng vụ án có chiều hướng tăng, giảm không đều với tỷ lệ tăng trung bình trong 6 năm là (+11,6%). Sự tăng giảm không đều của tình hình tranh chấp nợ hụi trên địa bàn cho chúng ta thấy được sự ẩn chứa nhiều nguy cơ gia tăng tranh chấp nhưng tăng không cao trong thời gian tới.

+ Về địa bàn xảy ra tranh chấp nợ hụi:

Địa bàn trên tỉnh xảy ra các vụ án tranh chấp về nợ hụi thì diễn ra nhiều nhất trên địa bàn huyện Tiểu Cần vì đây là địa bàn có nhiều tiểu thương đầu tư, kinh doanh, buôn bán nhỏ và tập trung nhiều công nhân làm tại các nhà máy, xí nghiệp bởi vì các chủ thể này có thu nhập thường xuyên và ổn định nên có điều kiện góp hụi. Ngoài mục đích để tiết kiệm hoặc huy động vốn làm ăn thì họ cũng có ý thức kinh doanh có lãi trên đồng vốn nhàn rỗi của mình. Vì vậy hụi phát triển rất mạnh ở những khu vực này. Và đây chính là khu vực thường xảy ra tranh chấp nợ hụi.

+ Về chủ thể tham gia giao dịch hụi:

Về chủ thể tham gia giao dịch hụi thì tập trung chủ yếu là nữ giới. Bởi vì nữ giới thường là người sắp xếp các sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc chơi hụi thường nữ giới sẽ tham gia nhiều hơn nam giới. Về trình độ học vấn của chủ hộ, trình độ tập trung nhiều nhất là từ trung học cơ sở trở lên chiếm đến 64,4% trong tổng số hộ được phỏng vấn. Bên cạnh đó thì trình độ chuyên môn của các chủ hộ tham gia hụi thì không cao và tập trung ở mức trình độ sơ cấp nghề vì tính chất công việc của các hộ không yêu cầu phải có trình độ chuyên môn cao để thực hiện mà chỉ cần trình độ lao động phổ thông, sơ cấp nghề thì đã đáp ứng được yêu cầu công việc. Bởi vì nghề nghiệp của thành viên tham gia hụi thì tập trung nhiều nhất là sản xuất nông nghiệp, công nhân và đầu tư, kinh doanh, buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ tương đối cao với mục đích sử dụng vốn huy động từ hụi sẽ sản xuất hoặc đầu tư cho việc kinh

doanh, mua bán hay đóng học phí cho con, em, mua sắm đồ dùng trong nhà. Và mức lương thu nhập hàng tháng của chủ hộ tập trung từ 3 triệu đồng đến 6 triệu đồng tương đối cao. Về độ tuổi chủ hộ chủ yếu tập trung từ 37 tuổi đến 52 tuổi.

+ Về nạn nhân:

Những nạn nhân trong các vụ tranh chấp nợ hụi là những đối tượng tham gia hụi với lý do lãi suất hấp dẫn, nhanh chóng, thuận tiện nên thu hút được nhiều người tham gia. Bên cạnh những lợi ích trên mang lại từ việc chơi hụi thì những người này phải đối mặt với rủi ro khá cao nếu có tranh chấp xảy ra. Vì quan hệ giữa các thành viên trong dây hụi tập trung là hàng xóm với nhau. Bên cạnh đó, thường những người chơi có ý định tham gia hụi sẽ chọn những chủ hụi có uy tín và có tài sản để tham gia cùng. Vì vậy nên một số người sẽ lợi dụng vào tiếng tăm bên ngoài để phô trương thân thế cũng như tài sản để thu hút người tham gia rồi sau một thời gian thì họ cố ý chiếm đoạt tài sản của những thành viên trong dây hụi. Và loại dây hụi mà hộ tranh chấp tập trung nhiều nhất đó chính là dây hụi tháng với hình thức góp hụi bằng tiền mặt với số tiền góp hàng kỳ giao đồng từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Trong đó số người tham gia trong một dây hụi từ 15 đến 23 người chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số hộ đã từng tranh chấp được khảo sát.

+ Về hoàn cảnh gia đình:

Về hoàn cảnh gia đình, qua thống kê từ cuộc khảo sát thì những nạn nhân trong các vụ tranh chấp nợ hụi tập trung là những người có hoàn cảnh kinh tế, cuộc sống ổn định. Vì hộ có hoàn cảnh kinh tế ổn định thì mới đảm bảo được việc góp hàng kỳ theo đúng thỏa thuận giữa các bên khi chơi hụi. Ngược lại, những hộ có hoàn cảnh kinh tế, cuộc sống khó khăn thì tham gia các dây hụi với số tiền đóng hàng tháng rất thấp. Như vậy, đối với những hộ có hoàn cảnh ổn định thì rủi ro tham gia hụi cao hơn so với những hộ có hoàn cảnh khó khăn bởi vì hộ tham gia dây hụi với số tiền góp lớn tại mỗi kỳ khai hụi sau khi được lĩnh hụi thì khả năng góp lại hụi chết của thành viên đó là rất hạn chế. Từ đó họ cố tình không góp hụi chết nữa nên dẫn đến tranh chấp nợ hụi xảy ra.

Trên đây là một số dự báo mà tác giả đã dựa trên thực trạng tranh chấp và thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hụi của cá nhân đã từng tranh chấp nợ hụi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

## PHẦN KẾT LUẬN

### 1. KẾT QUẢ ĐỀ TÀI VÀ THẢO LUẬN

Đề tài đã đánh giá tình hình tham gia giao dịch hui của các cá nhân từng bị tranh chấp nợ hui và thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hui tại Tòa án nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và từ đó xác định được một số nguyên nhân dẫn đến tranh chấp nợ hui và một số bất cập trong quá trình giải quyết. Trong quá trình giải quyết thì có nhiều khó khăn. Khi nguyên đơn bổ sung đầy đủ và hợp lệ các giấy tờ minh chứng thì Tòa án tiến hành lập hồ sơ thụ lý vụ án để giải quyết. Thông thường thì tòa giải quyết các vụ án nợ hui bằng các hình thức sau: đình chỉ, hòa giải, xét xử, tạm đình chỉ vụ án. Thực tiễn giải quyết tranh chấp nợ hui trên địa bàn tỉnh cho thấy nếu trong trường hợp đình chỉ vụ án thì đa số là nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn muốn tự thỏa thuận với bị đơn mà không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định tại điểm c Điều 217 BLTTDS 2015; còn nếu rơi vào trường hợp giải quyết vụ án tranh chấp bằng hình thức đưa ra quyết định tạm đình chỉ thì khi Tòa án xem xét hồ sơ và xét thấy vụ án có liên quan đến yếu tố hình sự chuyển sang Viện kiểm sát cùng cấp để truy tố hình sự vì vậy cần đợi kết quả điều tra từ cơ quan điều tra thì mới tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điểm d Điều 214, 216 BLTTDS 2015. Một trường hợp khác, đó là giải quyết vụ án bằng hình thức hòa giải giữa các đương sự theo đúng trình tự thủ tục quy định từ Điều 205 đến Điều 213 BLTTDS 2015. Cuối cùng là trường hợp giải quyết vụ án tranh chấp bằng hình thức đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 BLTTDS 2015.

Qua quá trình tìm hiểu về vấn đề lý luận cũng như những quy định của pháp luật về hui tác giả thấy rằng, hình thức giao dịch này thỏa mãn đầy đủ các điều kiện của giao dịch dân sự nói chung được quy định tại Điều 116 BLDS 2015, và các điều kiện cơ bản của một hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 385 BLDS 2015. Tuy nhiên, hình thức này cũng có những đặc điểm riêng của nó. Bên cạnh đó, để hướng dẫn thi hành quy định này Chính Phủ đã ban hành Nghị định 144/2006/NĐ-CP, và Công văn 40/KHXX của Tòa án nhân dân tối cao. Việc quy định hui trong BLDS 2015 và NĐ144 và Công văn 40/KHXX là một chủ trương đúng đắn, cho thấy vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội khi được quy định phù hợp với quy luật khách quan sẽ góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đảm bảo được trật tự, an toàn xã hội. Dù vậy, các quy phạm pháp luật điều chỉnh về hui còn một số bất cập gây khó

khăn cho quá trình áp dụng và giải quyết tranh chấp nợ hui. Do đó, các quy định này cần được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật vào thực tiễn. Góp phần bảo vệ quyền lợi của người tham gia và giải quyết tranh chấp được nhanh chóng và hiệu quả.

Ứng dụng, ý nghĩa của đề tài:

- Đối với lĩnh vực khoa học liên quan đến vấn đề nghiên cứu: kết quả nghiên cứu sẽ hỗ trợ nguồn cơ sở lý luận phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu tiếp theo của sinh viên và giảng viên.

- Đối với tổ chức chủ trì, đơn vị chủ quản và đơn vị tiếp nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu: nguồn tư liệu quý báu cho sinh viên cũng như giảng viên thuộc khối ngành Luật khi muốn tìm hiểu sâu về kiến thức chuyên ngành Luật dân sự nhằm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.

Đề xuất kiến nghị giúp Tòa án nhân dân các cấp, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Thi hành án dân sự các cấp và chính quyền địa phương, cơ quan ban ngành về hướng giải quyết tranh chấp nợ hui dựa trên cơ sở khoa học.

Tính mới của đề tài:

Đề tài đánh giá thực trạng tranh chấp hui và thực trạng giải quyết tranh chấp nợ hui tại các Tòa án nhân dân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong thời gian qua. Kết quả nghiên cứu cho thấy tình hình các tranh chấp nợ hui xảy ra nhiều nhất trên địa bàn huyện Tiểu Cần và đưa ra một số nguyên nhân dẫn đến tranh chấp: về vấn đề hiểu biết pháp luật về hình thức nội dung thỏa thuận khi tham gia hui, vấn đề về lãi suất, vấn đề nghiêm cấm cho vay nặng trong hui, quy định về sổ hui, quy định sơ sài và một số vấn đề phát sinh trong việc chơi hui hiện nay thì chưa quy định kịp thời về chuyển giao quyền hoặc chuyển giao nghĩa vụ trong chơi hui phát sinh qua các hình thức như vay hui, mượn hui, choàng hui, cản trở hui, cho tặng hui, thừa kế trong hui chưa được quy định cụ thể. Đặc biệt, Nhà nước cần nên quy định về nguyên tắc hoạt động trong hui, nguyên tắc chơi hui, nguyên tắc giao dịch hui và vấn đề giải quyết hậu quả của hui nhằm giúp Tòa án có cơ sở pháp lý giải quyết tranh chấp nợ hui thuận tiện và dễ dàng hơn vì hiện tại Tòa án chỉ giải quyết tài sản trong quan hệ giao dịch hui. Cuối cùng, giúp những người quan tâm vấn đề giải quyết tranh chấp nợ hui biết được hướng giải quyết khi có tranh chấp xảy ra.

## 2. KIẾN NGHỊ

- **Đối với Bộ môn Luật:** Hiện tại, Bộ môn đang triển khai mô hình tuyên truyền pháp luật miễn phí tại những địa bàn vùng sâu, vùng xa trên tỉnh và nên kết hợp với các cán bộ tư pháp địa phương nhằm tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, cũng nên chọn lĩnh vực về hụi để tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về vấn đề hụi được pháp luật nước ta bảo vệ và giúp người dân có những kiến thức cơ bản để tự bảo vệ quyền lợi mình khỏi những hành vi xâm hại đến quyền lợi ích của bản thân khi tham gia hụi.

- **Đối với Khoa Kinh tế, Luật:** Định kỳ hàng quý nên chỉ đạo Bộ môn Luật tổ chức Phiên tòa giả định nhằm giúp sinh viên trong toàn Khoa, Trường hiểu biết về pháp luật. Vì vậy cần chú trọng đưa vấn đề giải quyết tranh chấp nợ hụi vào nội dung Phiên tòa giả định sắp tới nhằm giúp sinh viên hiểu được cách giải quyết nợ hụi khi có tranh chấp xảy ra cũng như về một số điều lưu ý khi chơi hụi.

- **Đối với Trường Đại học Trà Vinh:** Cần đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên. Đặc biệt cần nghiên cứu nhiều đề tài liên quan về vấn đề hụi nhằm giúp cho mọi người có cái nhìn sâu sắc hơn về hụi. Thông qua những đề tài liên quan đến hụi giúp sinh viên toàn Trường nâng cao sự hiểu biết về vấn đề hụi. Từ những kết quả đạt được thì đề tài, người đọc nên tuyên truyền lại cho người thân trong gia đình của mình biết để bảo vệ quyền lợi của bản thân khi tham gia chơi hụi. Bởi việc chơi hụi là vấn đề xã hội mang tính giai cấp vì trong một gia đình thì sẽ có nhiều thành viên và mỗi thành viên có một nghề nghiệp khác nhau. Mà việc chơi hụi thì được sự quan tâm và tham gia từ nhiều tầng lớp giai cấp trong xã hội tham gia. Vì vậy, nếu một thành viên trong gia đình hiểu rõ về quy định của pháp luật về hụi thì họ sẽ giúp người thân trong gia đình nâng cao sự hiểu biết vấn đề về hụi mà pháp luật nước ta quy định.

- **Đối với các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Thi hành án nhân sự các cấp:** Nếu giải quyết tranh chấp nợ hụi đến giai đoạn xét xử nên phối hợp lựa chọn những địa bàn thường xảy ra tranh chấp nợ hụi để xét xử lưu động. Qua buổi xét xử lưu động đó, giúp người dân được biết và nắm bắt được nhiều thông tin cần thiết của pháp luật quy định về hụi. Để giúp người dân hiểu được vấn đề về hụi đã được Nhà nước quan tâm và bảo vệ

quyền lợi của người dân khi có tranh chấp xảy ra. Nên phối hợp cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức đoàn thể, cơ quan ban ngành dán niêm yết thông tin cần thiết, ngăn gọn của việc chơi hội để người dân biết. Chẳng hạn như các thông tin liên quan nội dung, hình thức trong thỏa thuận giữa các bên khi tham gia hội nên dán tại các nơi công cộng, nơi tập trung đông người, chợ, bệnh viện, khu công nghiệp hoặc tại các cơ quan Nhà nước. Vì đây là những nơi tập trung đông người vì vậy sẽ giúp cho người dân tiếp cận được những thông tin quy định về hội nhằm tự bảo vệ quyền lợi của bản thân. Nên có sự thống nhất giữa các cơ quan trong quá trình giải quyết và thi hành án bởi vì khi vỡ hội thường thì số hội viên khởi kiện khá đông. Tổng số tiền mà chủ hội có nghĩa vụ phải thi hành là khá lớn. Vì vậy trong quá trình giải quyết nếu xét thấy chủ hội làm ăn chân chính nhưng thua lỗ dẫn tới mất khả năng chi trả cho các thành viên trong dây hội thì Tòa án nên đưa quyết định đối với chủ hội có nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ thành nhiều lần thay vì phải thanh toán một lần nhằm giúp cơ quan thi hành án thực thi bản án đỡ phức tạp hơn.

**- Đối với Đài Truyền thanh – Truyền hình Trà Vinh, cơ quan truyền thanh các huyện, thị trên địa bàn tỉnh, Báo Trà Vinh:** Phải thông báo rộng rãi, kịp thời và vạch rõ những mảnh khoé lừa đảo của các chủ hội, làm cho nhân dân thấy rõ tác hại của chơi hội để không mắc lừa các chủ hội. Thông qua các chuyên mục pháp luật hàng tuần, trên báo đài, tạp chí, các bản tin thời sự địa phương hằng ngày nhằm giúp những người tham gia hội biết được những thủ đoạn của chủ hội. Chẳng hạn, khi tham gia hội thì bản thân người chơi hội cần phải xác định được trong dây hội tham gia gồm bao nhiêu người chơi và yêu cầu chủ hội phải ghi rõ họ và tên của các thành viên còn lại. Tránh trường hợp chủ hội chỉ ghi tên của thành viên và ghi địa chỉ thường trú không rõ ràng gây khó khăn trong công tác giải quyết tranh chấp nợ hội. Bên cạnh đó, cần nên ghi rõ trong sổ hội là dây hội trị gồm bao nhiêu phần tương ứng với bao nhiêu thành viên tham gia, trị giá mỗi phần và cách thức góp như thế nào và kỳ mở hội được thỏa thuận mở vào một thời điểm cụ thể do thỏa thuận thống nhất giữa các bên tham gia. Đặc biệt, trong mỗi kỳ khai hội thì chủ hội nên ghi rõ họ và tên đầy đủ của thành viên được hót hội với số tiền được hót là bao nhiêu và cách bỏ lãi của thành viên đó được lĩnh hội. Bên cạnh đó, các bên khi giao và nhận tiền được lĩnh hội hoặc góp hội thì cần nên ghi biên nhận giữa hai bên khi giao và nhận số tài sản nên có chữ ký hoặc điểm chỉ giữa các bên.



- **Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể:** Thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở nhân dân và cán bộ công nhân viên chức trong đơn vị mình phải luôn cảnh giác, không vì hám lợi bất chính để dẫn đến vi phạm pháp luật. Khuyến khích mọi người gửi tiền tiết kiệm lãi suất thấp nhưng chắc chắn, vừa ích nước, vừa lợi nhà, đồng thời phát hiện, tố giác các chủ hội để các cơ quan pháp luật có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời. Nghiêm cấm việc tự ý bắt đò, đập phá tài sản, hành hung, bắt giữ người trái pháp luật gây mất trật tự an toàn trong địa phương. Những người cố tình vi phạm phải được xử lý theo pháp luật hiện hành.

- **Hoàn thiện quy định của BLDS 2015 và Nghị định 144/2016/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hội, biên, phường và Dự thảo sửa đổi, bổ sung BLHS 2015:**

+ Hoàn thiện Điều 471 BLDS 2015 về họ, hội, biên, phường theo hướng quy định mức lãi suất trần trong hội không được vượt quá 30% giá trị phần hội được quy định tại khoản 3 điều 471 BLDS 2015 và nên bỏ nghiêm cấm việc tổ chức hội dưới hình thức cho vay nặng lãi tại khoản 4 điều 471 BLDS 2015 thay vào đó nghiêm cấm thành viên khi đến kỳ khai hội thì bỏ lãi suất không được vượt so với quy định tại khoản 3 Bộ luật này. Cụ thể như sau:

**“Điều 471. Họ, hội, biên, phường**

1. Họ, hội, biên, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên.
2. Việc tổ chức họ nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất không được vượt quá 30% giá trị phần họ.
4. Nghiêm cấm thành viên khi đến kỳ khai họ việc bỏ lãi suất vượt so với quy định tại khoản 3 Bộ luật này.”

+ Hoàn thiện Điều 175 Dự thảo sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 về “tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo hướng nên bổ sung tình tiết “bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản” tại điểm a khoản 1 điều 140 BLHS 2015. Cụ thể như sau:



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Quốc hội. 2000. Luật Hôn nhân và gia đình nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
2. Quốc hội. 2005. Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
3. Quốc hội. 2008. Luật thi hành án dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
4. Quốc hội. 2009. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
5. Quốc hội. 2011. Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
6. Quốc hội. 2014. Luật Hôn nhân và gia đình nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
7. Quốc hội. 2014. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
8. Quốc hội. 2015. Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
9. Quốc hội. 2015. Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
10. Quốc hội. 2015. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
11. Quốc hội. 2016. Nghị quyết số 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016;
12. Chính phủ. 2006. Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 quy định về họ, họ, hụi, biêu, phườg;

13. Tòa án nhân dân Tối cao. 2007. Công văn số 40/KHXX ngày 06 tháng 4 năm 2007 về hướng dẫn thụ lý và giải quyết tranh chấp về họ;

14. Ủy ban thường vụ Quốc hội. 2009. Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí tòa án;

## **II. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẰNG TIẾNG VIỆT**

1. Lê, Khương Ninh và Cao, Văn Hôn. 2012. “Rủi ro của việc tham gia hội”. Tạp chí Ngân hàng, số 5, tr. 25 – 46;

2. Lê, Khương Ninh và Cao, Văn Hôn. 2012. “Lợi ích của hội và quyết định tham gia hội của người dân An Giang”. Tạp chí công nghệ ngân hàng, số 70, tr. 32-39;

3. Mai, Văn Nam. 2008. Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin;

4. Nguyễn, Đình Giáp. 2009. Hội, họ, biên, phường theo Pháp luật dân sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn áp dụng. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;

5. Nguyễn, Văn Vũ An, Phạm, Trọng Phẩm và Nguyễn, Văn Toàn. 2015. Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro của việc tham gia hội của nông hộ tại huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, Tạp chí khoa học Trường Đại học Đồng Tháp, số 15, tr. 61 – 67;

6. Phạm, Văn Beo. 2012. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Quyển 2 (Phần các tội phạm). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia;

7. Trần, Văn Biên. 2008. Họ, hội, biên, phường trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Quá khứ và hiện tại, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3;

8. Tưởng Duy Lượng (2007), Một số vấn đề về hội, họ, biên, phường, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 9;

9. Vũ, Việt Phương. 2007. Giải quyết tranh chấp phát sinh từ họ, hội, biên, phường trên cơ sở pháp luật dân sự năm 2005. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7;

## **III. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẰNG TIẾNG ANH**

1. Besley et al. 1993. The Economics of Rotating Savings and Credit Associations;

2. Stenfan Klonner. 2003. Rotating Savings and Credit Associations when Participants are Risk Averse;

#### **IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO TRÊN WEBSITE**

1. Cổng thông tin điện tử Trà Vinh. 2016. Tổng quan Trà Vinh – Tiềm năng phát triển, xem 09.12.2016 <<http://www.travinh.gov.vn>>;

2. Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân Tối cao. 2015. Quốc hội thông qua Bộ luật dân sự (sửa đổi), Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi) và Luật tố tụng hành chính (sửa đổi), xem 09.12.2016 <<http://www.vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-5444>>;

3. Nguyễn, Sỹ Linh. 2010. Tổng quan về phương pháp dự báo và khả năng áp dụng một số mô hình trong dự báo biến động tài nguyên và môi trường tại Việt nam, xem 29/3/2017 < <http://isponre.gov.vn/home/dien-dan/463-tong-quan-ve-phuong-phap-du-bao-va-kha-nang-ap-dung-mot-so-mo-hinh-trong-du-bao-bien-dong-tai-nguyen-va-moi-truong-tai-viet-nam>>.